

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**DỰ ÁN**

# TRANG TRẠI KẾT HỢP



**Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU  
TÂM HÒA**

*Địa điểm: Thôn Làng Cháy, Xã Khe Mo, Huyện Đông Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên*

**Tháng 01/2021**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ ÁN  
**TRANG TRẠI KẾT HỢP**

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU

TÂM HÒA

*Giám đốc*

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CP TƯ VẤN  
ĐẦU TƯ DỰ ÁN VIỆT

*Giám đốc*

NGUYỄN TIẾN TUẤN

NGUYỄN BÌNH MINH

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU .....	5
I. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ ĐẦU TƯ.....	5
II. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN DỰ ÁN .....	5
III. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ. ....	6
IV. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	8
V. MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN .....	8
5.1. Mục tiêu chung.....	8
5.2. Mục tiêu cụ thể.....	9
CHƯƠNG II. ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	10
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN. .....	10
1.1. Điều kiện tự nhiên vùng thực hiện dự án.....	10
1.2. Điều kiện xã hội vùng dự án. ....	13
II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG.....	15
2.1. Nhu cầu thị trường thịt.....	15
2.2. Nhu cầu thị trường gia cầm.....	19
III. QUY MÔ CỦA DỰ ÁN .....	19
3.1. Các hạng mục xây dựng của dự án .....	19
3.2. Bảng tính chi phí phân bổ cho các hạng mục đầu tư .....	21
IV. ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG .....	25
4.1. Địa điểm xây dựng .....	25
4.2. Hình thức đầu tư.....	25
V. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO	25
5.1. Nhu cầu sử dụng đất.....	25

5.2. Phân tích đánh giá các yếu tố đầu vào đáp ứng nhu cầu của dự án.....	26
CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT .....	27
CÔNG NGHỆ .....	27
I. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH .....	27
II. PHÂN TÍCH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ. ....	27
2.1. Kỹ thuật chăn nuôi đàn lợn .....	27
2.2. Trang trại nuôi bò.....	33
2.3. Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt.....	41
2.4. Kỹ thuật nuôi gà đẻ trứng.....	47
2.5. Kỹ thuật chăn nuôi vịt.....	51
2.6. Kỹ thuật nuôi vịt siêu trứng.....	64
2.7. KT - Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học.....	68
2.8. Quy trình giết mổ gia súc tại chỗ.....	76
CHƯƠNG IV. CÁC PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	78
I. PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG .....	78
1.1. Chuẩn bị mặt bằng.....	78
1.2. Phương án tái định cư .....	78
1.3. Phương án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.....	78
1.4. Các phương án xây dựng công trình .....	78
1.5. Các phương án kiến trúc .....	79
1.6. Phương án tổ chức thực hiện.....	81
1.7. Phân đoạn thực hiện và tiến độ thực hiện, hình thức quản lý.....	81
CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG .....	83
I. GIỚI THIỆU CHUNG.....	83

II. CÁC QUY ĐỊNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG.....	83
III. TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN TỚI MÔI TRƯỜNG .....	84
3.1. Giai đoạn xây dựng dự án. ....	84
3.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng.....	86
IV. CÁC BIỆN PHÁP NHẪM GIẢM THIỂU Ô NHIỄM.....	88
4.1. Giai đoạn xây dựng dự án .....	88
4.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng.....	89
V. KẾT LUẬN .....	90
CHƯƠNG VI. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ – NGUỒN VỐN THỰC HIỆN VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN .....	92
I. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN. ....	92
II. HIỆU QUẢ VỀ MẶT KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN.....	94
2.1. Nguồn vốn dự kiến đầu tư của dự án. ....	94
2.2. Dự kiến các nguồn doanh thu của dự án:.....	95
2.3. Các chi phí đầu vào của dự án: .....	95
2.4. Phương án vay.....	95
2.5. Các thông số tài chính của dự án .....	96
KẾT LUẬN .....	99
I. KẾT LUẬN.....	99
II. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ. ....	99
PHỤ LỤC: CÁC BẢNG TÍNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH.....	100
Phụ lục 1: Tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án .....	100
Phụ lục 2: Bảng tính khấu hao hàng năm.....	101
Phụ lục 3: Bảng tính doanh thu và dòng tiền hàng năm. ....	102
Phụ lục 4: Bảng Kế hoạch trả nợ hàng năm.....	103
Phụ lục 5: Bảng mức trả nợ hàng năm theo dự án.....	104

Phụ lục 6: Bảng Phân tích khả năng hoàn vốn giản đơn.....	105
Phụ lục 7: Bảng Phân tích khả năng hoàn vốn có chiết khấu. ....	106
Phụ lục 8: Bảng Tính toán phân tích hiện giá thuần (NPV). ....	107
Phụ lục 9: Bảng Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR). ....	108

## CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU

### I. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ ĐẦU TƯ

Chủ đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TÂM HÒA.**

Mã số doanh nghiệp: 0106512417, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ trụ sở: Số 8, Hẻm 85/43, ngõ Trung Tả, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

*Thông tin người đại diện theo pháp luật:*

**Ông NGUYỄN TIẾN TUẤN.**

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày 25/02/1960

Số chứng minh nhân dân: 025060000148

Hộ khẩu thường trú: Số 8, Hẻm 85/43, ngõ Trung Tả, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chỗ ở hiện tại: Số 8, Hẻm 85/43, ngõ Trung Tả, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### II. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN DỰ ÁN

Tên dự án: “**Trang trại tổng hợp**”

Địa điểm xây dựng: Thôn Làng Cháy, Xã Khe Mo, Huyện Đông Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên.

Quy mô diện tích: **50.000 m<sup>2</sup>.**

Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý điều hành và khai thác.

Tổng mức đầu tư của dự án: **40.038.843.000 đồng.**

(Bốn mươi tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng)

Trong đó:

- + Vốn tự có (30%) :12.011.653.000 đồng.
- + Vốn vay - huy động (70%) :28.027.190.000 đồng.

### III. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ.

Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, trồng rừng, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thuỷ sản.

Phát triển kinh tế trang trại nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý góp phần phát triển nông nghiệp bền vững; có việc làm tăng thu nhập, khuyến khích làm giàu đi đôi với xoá đói giảm nghèo; phân bổ lao động, dân cư xây dựng nông thôn mới.

Quá trình chuyển dịch, tích tụ ruộng đất đã hình thành các trang trại gắn liền với quá trình phân công lại lao động ở nông thôn, từng bước chuyển dịch lao động nông nghiệp sang làm các ngành phi nông nghiệp, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá trong nông nghiệp và nông thôn.

Kinh tế trang trại có lịch sử phát triển lâu đời, các chuyên gia về sử học và kinh tế học thế giới đã chứng minh từ thời đế quốc La Mã, các trang trại đã hình thành trong đó lực lượng sản xuất chủ yếu là các nô lệ. Ở Trung Quốc trang trại có từ đời nhà Đường. Với nước ta, trang trại hình thành và phát triển dưới thời nhà Trần với tên gọi chung là các “thái ấp”. Trang trại trên thế giới bắt đầu phát triển mạnh khi chế độ tư bản chủ nghĩa ra đời. Năm 1802 ở Pháp có 5.672.000 trang trại, năm 1882 ở Tây Đức có 5.278.000, năm 1990 ở Mỹ có 5.737.000, năm 1963 Thái Lan có 3.214.000 và Ấn Độ có hơn 44 triệu trang trại.

Quá trình phát triển công nghiệp, số lượng các trang trại giảm, nhưng quy mô về diện tích và quy mô về doanh thu tăng lên. Hiện nay ở Mỹ có 2,2 triệu trang trại, sản xuất mỗi năm 50% sản lượng đậu tương và ngô trên thế giới; ở Pháp có 0,98 triệu trang trại, sản xuất một lượng nông sản gấp 2,2 lần nhu cầu trong nước; 1.500 trang trại của Hà Lan mỗi năm sản xuất 7 tỷ bông hoa, 600 triệu chậu hoa; 4 triệu lao động trong các trang trại của Nhật Bản (chiếm 3,7% dân số cả nước) nhưng bảo đảm lương thực, thực phẩm cho hơn 100 triệu người. Như vậy, trang trại là một mô hình tổ chức sản xuất phổ biến trong nông nghiệp, xu thế tất yếu của sản xuất nông nghiệp hàng hoá.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn hình thành và phát triển các trang trại trong thời gian qua và căn cứ vào chủ trương đối với kinh tế trang trại đã được nêu trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 12 năm 1997 và Nghị quyết số 06 ngày 10 tháng 11 năm 1989 của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp và nông thôn, cần giải quyết một số vấn đề về quan điểm và chính sách nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển mạnh mẽ kinh tế trang trại trong thời gian tới.

Một số trang trại, gia trại đã hình thành các hình thức hợp tác sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ và chế biến. Thực hiện tái cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng nhanh đàn gia cầm, giảm đàn lợn F1, tăng đàn lợn F2, F3 và đàn lợn ngoại, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm của ngành chăn nuôi trong tỉnh đạt 5,4%/năm.

Đặc biệt kinh tế trang trại phát triển theo hướng công nghệ cao là yêu cầu cấp thiết hiện nay, chính vì vậy xét thấy việc phát triển cần phải ứng dụng nhanh khoa học kỹ thuật, nông nghiệp theo hướng công nghệ cao để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường và hiệu quả trong sử dụng đất đai, nguồn lực, chúng tôi đã phối hợp với công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Dự Án Việt tiến hành nghiên cứu



và lập dự án “**Trang trại tổng hợp**” tại Thôn Làng Cháy, Xã Khe Mo, Huyện Đông Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên.

#### **IV. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH11 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc hội;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Văn bản hợp nhất 14/VBHN-VPQH năm 2014 hợp nhất Luật thuế thu nhập doanh nghiệp do văn phòng quốc hội ban hành;
- Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông Tư 16/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019, về hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;
- Quyết định 65/QĐ-BXD ngày 20 tháng 01 năm 2021 ban hành Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2020;

#### **V. MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN**

##### **5.1. Mục tiêu chung.**

- Phát triển kinh tế trang trại nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý góp phần phát triển nông nghiệp bền vững; có việc làm tăng thu nhập, khuyến khích làm giàu đi đôi với xoá đói giảm nghèo; phân bổ



Anh/Chị  
cần hỗ trợ gì về

LẬP DỰ ÁN  
THIẾT KẾ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500  
KÊU GỌI ĐẦU TƯ, LẬP ĐTM...

Anh/Chị liên hệ  
PICC nhé

Hotline:  
**090.303.4381**  
[www.lapduandautu.vn](http://www.lapduandautu.vn)

lao động, dân cư xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức tiếp nhận công nghệ, thực nghiệm các biện pháp kỹ thuật phục vụ sản xuất của dự án.
- Tổ chức sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao cung cấp cho thị trường.
- Các công nghệ được ứng dụng trong thực hiện dự án chủ yếu tập trung vào công nghệ cao, công nghệ tiên tiến so với mặt bằng công nghệ sản xuất nông nghiệp trong nước.
- Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh Thái Nguyên và các vùng lân cận.

## **5.2. Mục tiêu cụ thể.**

- Hàng năm cung cấp khoảng 84 con bò thịt chất lượng cao cho thị trường;
- Cung cấp 17.500 con gà, vịt hàng năm cho thị trường.
- Cung cấp 365.000 trứng gia cầm cho thị trường hàng năm.
- Cung cấp 2.000 con heo giống và 3.450 heo thịt hàng năm cho thị trường.
- Giải quyết nhu cầu việc làm cho người dân.
- Đóng góp nghĩa vụ thuế cho địa phương.

## CHƯƠNG II. ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN DỰ ÁN

### I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN.

#### 1.1. Điều kiện tự nhiên vùng thực hiện dự án.

##### Vị trí địa lý



Thái Nguyên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - kỹ thuật, y tế, du lịch, dịch vụ của vùng trung du miền núi phía Bắc; trung tâm vùng trung du, miền núi Bắc Bộ, cách thủ đô Hà Nội 80 km, có vị trí địa lý:

- + Phía bắc giáp huyện Đồng Hỷ và huyện Phú Lương
- + Phía nam giáp thành phố Sông Công
- + Phía tây giáp huyện Đại Từ
- + Phía đông giáp huyện Phú Bình.

**Khí hậu:**

Thái Nguyên mang những nét chung của khí hậu vùng đông bắc Việt Nam, thuộc miền khí hậu cận nhiệt đới ẩm, có mùa đông lạnh giá, ít mưa, mùa hè nóng ẩm mưa nhiều. Khí hậu của thành phố Thái Nguyên chia làm 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông và nằm trong vùng ẩm của tỉnh, có lượng mưa trung bình khá lớn.

Dữ liệu khí hậu của Thái Nguyên													[ản]
Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Năm
Cao kỉ lục °C (°F)	31.1	40.7	35.7	37.7	39.4	39.5	38.8	38.4	37.4	34.9	34.0	30.6	40,7
Trung bình cao °C (°F)	19.7	20.2	22.8	27.0	31.3	32.6	32.8	32.4	31.7	29.1	25.6	22.2	27,3
Trung bình ngày, °C (°F)	16.0	17.0	19.8	23.6	27.1	28.4	28.6	28.1	27.1	24.5	20.9	17.6	23,2
Trung bình thấp, °C (°F)	13.6	14.9	17.8	21.3	24.0	25.4	25.5	25.2	24.1	21.3	17.6	14.6	20,4
Thấp kỉ lục, °C (°F)	3.0	1.3	6.1	12.6	16.4	19.7	20.5	21.7	16.3	10.2	7.2	3.2	1,3
Giáng thủy mm (inch)	25 (0.98)	35 (1.38)	62 (2.44)	121 (4.76)	232 (9.13)	338 (13.31)	410 (16.14)	347 (13.66)	237 (9.33)	146 (5.75)	49 (1.93)	24 (0.94)	2.025 (79.72)
% độ ẩm	79.7	81.3	85.1	85.8	82.0	82.8	83.6	85.1	82.5	80.1	77.7	76.9	81,9
Số ngày giáng thủy .TB	10.4	12.4	17.8	17.5	15.3	17.0	17.7	18.1	13.5	10.7	7.3	5.7	163,5
Số giờ nắng trung bình hàng tháng	69	46	46	80	170	164	189	184	192	174	147	125	1.585

Nguồn: Vietnam Institute for Building Science and Technology<sup>[5]</sup>

**Các nguồn tài nguyên:**

**Tài nguyên đất**

Theo kết quả phúc tra theo phương pháp định lượng FAO/UNESCO do Viện Thiết kế xây dựng thực hiện thì toàn huyện có các nhóm đất sau:

- Đất phù sa: 1.816 ha chiếm 2,16% diện tích
  - Đất đen: 935,5 ha chiếm 1,11% diện tích
  - Đất xám bạc màu: 63.917,7 ha chiếm 76,08% diện tích đất tự nhiên, phân bố ở các thung lũng trên địa bàn tất cả các xã trong huyện.
  - Đất đỏ: 3.770,80ha, chiếm 4,49% diện tích tự nhiên
  - Các loại đất khác: có 13.570,44 ha chiếm 16,16% diện tích.
- Nhìn chung Võ Nhai có nhiều loại đất canh tác phù hợp với nhiều loại cây trồng,

nhất là cây công nghiệp, cây ăn quả và trồng rừng, song chủ yếu là đất đồi núi; những diện tích đất bằng phẳng phục vụ cho canh tác nông nghiệp rất thấp, đất ruộng lúa chỉ còn 2.916,81 ha.

### ***Tài nguyên nước***

Trong huyện có hai hệ thống nhánh sông trực thuộc hệ thống sông Cầu và sông Thương, đó là hệ thống sông Nghinh Tường và hệ thống sông Dong và nhiều khe, suối nhỏ do đó nguồn nước mặt tương đối phong phú nhưng phân bố không đều. Qua điều tra thăm dò khảo sát thì nguồn nước ngầm tương đối phong phú, chất lượng tốt đảm bảo phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất

### ***Tài nguyên rừng***

Do diện tích đất lâm nghiệp lớn, lại là huyện vùng cao khí hậu nhiệt đới nên hệ thực vật có nhiều gỗ quý từ nhóm II đến nhóm VIII, song đến nay trữ lượng không còn nhiều. Rừng già và rừng trung bình chiếm tỷ lệ thấp, chủ yếu là ở các vùng sâu, vùng xa. Ngoài rừng gỗ còn có rừng tre, nứa, vầu...

Trong 50.595 ha rừng có:

- Rừng gỗ: 20.115 ha
- Rừng tre, nứa, vầu: 603 ha
- Rừng hỗn giao: 3.440,87 ha
- Rừng núi đá: 26.437 ha

Hệ động vật tương đối phong phú, đa dạng, gồm các loại thú rừng, bò sát, chim. Hiện nay số lượng động vật đang bị suy giảm nhiều do nạn săn, bắn bừa bãi và chặt phá rừng làm mất nơi cư trú

### ***Tài nguyên khoáng sản***

Qua kết quả điều tra tìm kiếm thăm dò, Võ Nhai có các loại khoáng sản sau:

- Kim loại màu: Gồm chì, Kẽm ở Thần Sa với quy mô trữ lượng nhỏ không tập trung, Vàng ở Thần Sa, Sảng Mộc, Liên Minh nhưng chỉ là vàng sa khoáng, hàm lượng thấp, quản lý khai thác khó khăn.

- Mỏ phốt pho ở La Hiên trữ lượng khá (khoảng 60.000 tấn)
- Khoảng sản vật liệu xây dựng như: Đá xây dựng, cát, sỏi, sét xi - măng ở La Hiên, Cúc Đường có trữ lượng lớn, chất lượng tốt.

### ***Tiềm năng du lịch***

Với địa hình có dãy núi đá vôi xen lẫn núi đất trung điệp tạo nên những thắng cảnh đẹp tự nhiên của núi rừng. Quần thể hang động Phụng Hoàng, Suối Mỏ Gà và hang động khác như: Nà Kháo, Hang Huyền,... có nhiều nhũ đá tạo nên cảnh quan đẹp. Mái Đá Ngườm ở xã Thần Sa là cái nôi ra đời sớm nhất của người Âu Lạc. Rừng Khuôn Mánh xã Tràng Xá là nơi thành lập đội cứu quốc quân II và nhiều hang động, di tích khác đã đi vào lịch sử của dân tộc. Do hệ thống giao thông đang từng bước hoàn chỉnh nên tiềm năng du lịch của huyện đang được phát huy cùng với hệ thống du lịch trong toàn tỉnh

## **1.2. Điều kiện xã hội vùng dự án.**

### ***a. Xã hội***

*Lao động- việc làm:* Theo thống kê của ngành chức năng, từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 400 doanh nghiệp tạm dừng hoặc dừng hẳn hoạt động với khoảng hơn 10 nghìn lao động có hợp đồng lao động bị mất việc, đó là chưa kể số lao động tạm nghỉ hoặc nghỉ luân phiên. Bình quân một tháng trong quý III/2020, có khoảng 900 người đã được hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Ước tính số lao động đăng ký hưởng trợ cấp thôi việc, mất việc trong quý III/2020 trên địa bàn tỉnh là khoảng 2 nghìn người và số người được hưởng trợ cấp thôi việc, mất việc là 1,8 nghìn người với số tiền khoảng 30 tỷ đồng

### ***b. Kinh tế***

#### **➤ Sản xuất nông, lâm thủy sản**

Sản xuất nông nghiệp nói chung trên địa bàn tỉnh trong 9 tháng năm 2020 gặp nhiều khó khăn do diễn biến thời tiết phức tạp; dịch tả lợn Châu Phi mặc dù đã được kiểm soát nhưng việc tái đàn còn chậm do giá lợn giống, giá thức ăn chăn

nuôi tăng cao, cộng với tâm lý e ngại dịch bệnh tái phát của người chăn nuôi. Trước những khó khăn trên, ngành chức năng đã có những giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả; năng suất lúa Đông Xuân 2020 tăng so với cùng kỳ năm trước; chăn nuôi gia cầm, đặc biệt là chăn nuôi gà tiếp tục phát triển tốt. Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng. Sản xuất thủy sản cơ bản ổn định. Công tác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới đảm bảo đúng tiến độ và kế hoạch.

➤ **Sản xuất công nghiệp**

Do tác động tiêu cực của dịch Covid-19 nên sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề khi chỉ số sản xuất công nghiệp liên tục giảm trong quý I và quý II (quý I giảm 4,81%, quý II giảm 5,25% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, sang quý III, sản xuất công nghiệp được phục hồi và dần lấy lại được đà tăng trưởng của thời kỳ trước dịch bệnh khi chỉ số sản xuất công nghiệp quý III/2020 ước tăng 13,09% so với cùng kỳ. Tính chung 9 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 2,1% so với cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất công nghiệp quý III/2020 ước tính tăng 13,09% so với cùng kỳ. Trong đó, hai ngành có chỉ số tăng so với cùng kỳ là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (+13,4%), ngành sản xuất và phân phối điện (+7,6%); còn lại 2 ngành có chỉ số giảm là ngành khai khoáng (-8,3%) và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (-3,3%) so cùng kỳ

➤ **Thương mại, dịch vụ**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn tỉnh tháng 9/2020 ước đạt 3,6 nghìn tỷ đồng, tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 10,9% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực Nhà nước ước đạt 185,3 tỷ đồng, 17 tăng 14,1%; khu vực ngoài Nhà nước ước đạt 3,4 nghìn tỷ đồng, tăng 10,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 8,2 tỷ đồng. Tính riêng quý III/2020 tổng

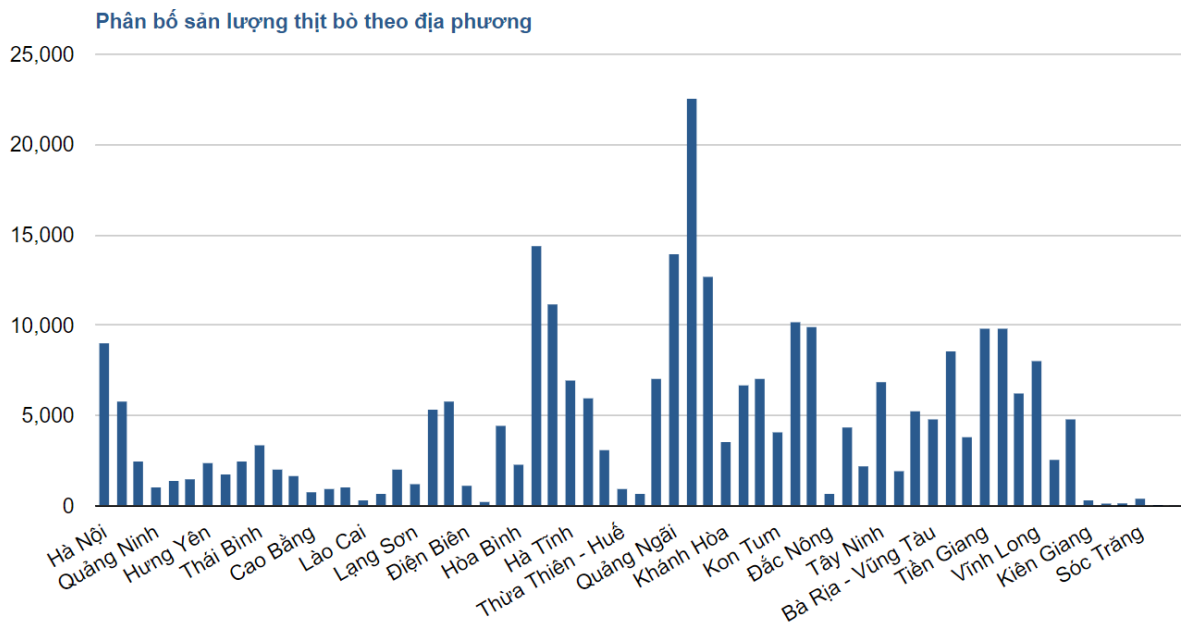
mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn đạt 10,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,5% cùng kỳ.

## II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG

### 2.1. Nhu cầu thị trường thịt

#### a) Nhu cầu thị trường nội địa

Những báo cáo thị trường trong những năm gần đây cho thấy sự gia tăng mạnh mẽ của nhu cầu tiêu thụ các loại thịt tại Việt Nam; dự báo đến năm 2025, tổng sản lượng tiêu thụ thịt tại Việt Nam sẽ vượt mốc 5 triệu tấn. Chiếm gần 65% tổng sản lượng tiêu thụ, thịt bò vẫn sẽ chiếm tỷ trọng dinh dưỡng lớn trong bữa ăn của người Việt; tuy nhiên mức tăng trưởng đáng kể ước tính đạt 3-5%/năm dự kiến sẽ mở ra những triển vọng khả quan cho lượng tiêu thụ thịt gia cầm và thịt bò trong thời gian tới.



Tổng đàn bò thịt tại thời điểm tháng 12/2019 là 5.640.730 tăng khoảng 2,4% so với cùng thời điểm năm 2018; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng cả năm 2019 đạt 349,2 nghìn tấn, tăng 4,4% (quý IV ước đạt 84,3 nghìn tấn, tăng 5,0% so quý IV/2018).



*Tổng đàn và sản lượng thịt hơi xuất chuồng*

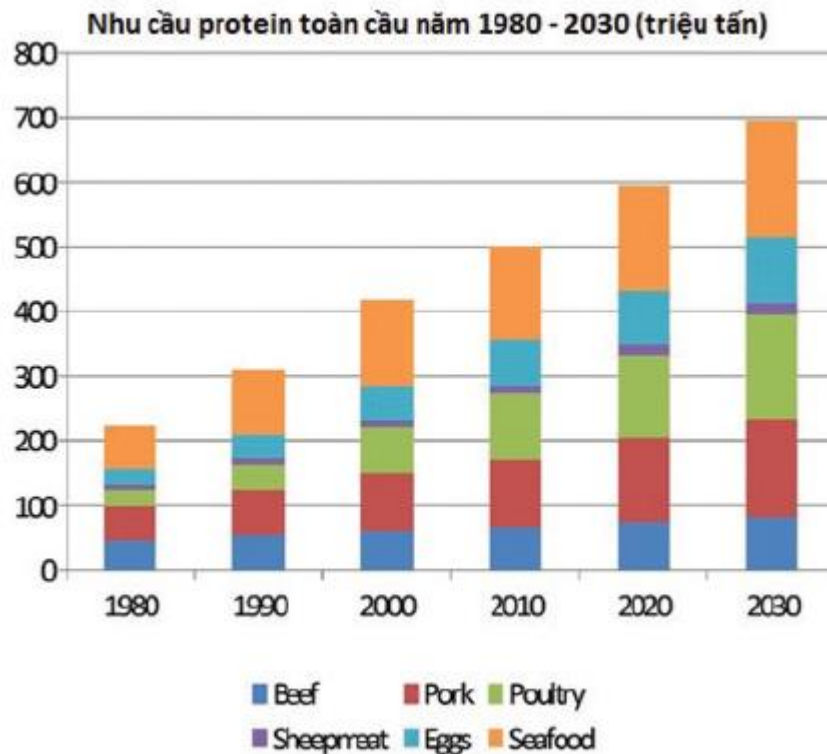
	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>Tăng/giảm (%)</b>
<b>Tổng đàn bò (con)</b>	5.508.525	5.640.730	+2,4
<b>Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng (1.000 tấn)</b>	334,5	349,2	+4,4
<b>Tổng đàn bò sữa (con)</b>	294.382	321.232	+9,1

*Nguồn: VITIC tổng hợp từ Tổng cục Thống kê*

Đàn bò thịt tăng trưởng khá do có thị trường tiêu thụ tốt, giá bán thịt bò hơi ở mức tốt, người chăn nuôi có lãi ổn định, đồng thời được sự hỗ trợ nguồn vốn, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi của các ngành, các cấp và chính quyền địa phương. Nhiều mô hình phát triển chăn nuôi bò thịt, kết hợp xử lý chất thải làm phân bón hữu cơ rất có hiệu quả như ở Hòa Bình; chăn nuôi bò sữa phát triển tốt do nhiều tỉnh có đề án phát triển bò sữa.

*b) Sự thay đổi trong thị trường thịt toàn cầu*

Trên phạm vi toàn cầu, sản xuất thịt trong thập kỷ tới cũng sẽ chậm lại so với tốc độ tăng trưởng trước đó. Theo dự báo của FAO, sản xuất thịt toàn cầu sẽ tăng chậm từ mức tăng trung bình 2,2% mỗi năm trong thập kỷ trước xuống còn 1,8% mỗi năm, điều này chủ yếu là do tốc độ tăng trưởng chậm hơn ở các nước Mỹ Latinh, đặc biệt là Brazil và Argentina, cũng như chi phí đầu vào tăng cao.



Sản xuất thịt gia cầm và thịt heo với mức tăng tương ứng 14% và 5% mỗi năm trong thập kỷ qua, được dự báo sẽ tăng trưởng trung bình trong khoảng 2% mỗi năm đến năm 2025. Nhìn chung, các nước đang phát triển sẽ chiếm 77% tăng trưởng sản xuất thịt trong giai đoạn đến năm 2025. Sản xuất gia cầm sẽ tiếp tục tăng với tốc độ nhanh nhất (2,2% mỗi năm) so với các loại thịt khác và sẽ vượt qua thịt heo vào cuối năm 2021 với sản lượng cao nhất. Đến năm 2021, sản lượng thịt gia cầm có thể sẽ đạt hơn 127,2 triệu tấn, so với gần 126 triệu tấn thịt heo.

Cùng với nhu cầu cao về trứng, phần lớn lượng tiêu thụ thịt sẽ tập trung ở các nước châu Á và Thái Bình Dương, chiếm 56% mức tăng nhu cầu thịt toàn cầu trong giai đoạn 2010 - 2021. Đến năm 2021, người tiêu dùng ở các nước phát triển sẽ chọn thịt gia cầm với tỷ lệ là 90% trong tổng lượng thịt tiêu thụ của họ, ngoại trừ ở các nước Đông Âu. Riêng ở các nước đang phát triển, tỷ lệ tiêu thụ hàng năm khoảng 62% thịt gia cầm, 19% thịt heo, 13% thịt bò và 6% thịt cừu. Dự báo tiêu thụ thịt gia cầm ở các nền kinh tế phát triển vào năm 2021 có thể sẽ đạt 44,7

triệu tấn, trong khi các nền kinh tế đang phát triển sẽ tiêu thụ khoảng 82,3 triệu tấn.

Tăng trưởng thương mại hàng năm về thịt gia cầm sẽ chậm lại đáng kể so với giai đoạn trước đó, chỉ ở mức dưới 2%/năm đến năm 2030, so với mức bình quân 5,5%/năm trong thập kỷ qua. Đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng thương mại gia cầm sẽ là Mỹ và Brazil, chiếm gần 80% thương mại gia cầm thế giới trong giai đoạn 2021 - 2025. Tăng trưởng nhập khẩu cũng sẽ được dẫn dắt bởi các quốc gia ở Trung Đông, Đông Nam Á và Mỹ Latinh

*c) Nhu cầu xuất khẩu thịt*

Sản lượng toàn cầu được dự báo sẽ tăng nhẹ (1%) trong năm 2019 lên 63,6 triệu tấn, chủ yếu đạt được từ Brazil, Hoa Kỳ và Argentina. Sự mở rộng của Brazil do nhu cầu ổn định trong nước và tăng trưởng xuất khẩu vững chắc sang các thị trường trọng điểm châu Á. Tăng trưởng của Argentina được thúc đẩy, bởi việc tăng khối lượng để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu mạnh mẽ hơn cho các động vật có trọng lượng nặng hơn. Điều kiện thời tiết nóng và khô kéo dài của Australia dẫn đến tình trạng đồng cỏ tẻ đi, giá ngũ cốc tăng cao và nguồn cấp nước thấp buộc nhiều gia súc biến thành động vật để lấy thịt. Với số lượng gia súc ít hơn kì vọng vào đầu năm 2019, sản xuất thịt bò được dự báo là sẽ thấp hơn. Dù cho mở rộng việc tăng đàn gia súc vào 2019 thì vẫn sẽ có ít gia súc có sẵn cho việc giết mổ.

Trong năm 2019, Việt Nam xuất khẩu thịt các loại tăng khá, thịt bò tăng mạnh, với mức tăng là 33% so với năm trước, đạt mức 8.831 USD/tấn.

*Xuất khẩu thịt các loại trong năm 2019*

Chủng loại	Lượng (tấn)	Tăng/giảm so với năm 2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	Tăng/giảm so với năm 2020(%)
Thịt trâu	394	-71,9	1.591	-35,6
Thịt bò	68	-37,6	597	-17,0

Nguồn: VITIC tổng hợp số liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

## 2.2. Nhu cầu thị trường gia cầm

Theo dự báo của FAO, mức tiêu thụ trứng toàn cầu sẽ tăng từ 6,5 kg/người/năm trong năm 2000 lên 8,9 kg (khoảng 148 quả) /người/năm vào năm 2030 tại các nước đang phát triển. Ở các nước công nghiệp, tiêu thụ trứng được dự báo sẽ tăng từ 13,5 kg (khoảng 225 quả)/người/năm vào năm 2020 lên 14,8 kg (khoảng 247 quả)/người/năm vào năm 2030. Hơn 67% mức tiêu thụ trứng toàn cầu thuộc về các nước châu Á. Ở Trung Quốc, nơi tiêu thụ trứng cao hơn gấp đôi mức trung bình của các nước đang phát triển, mức tăng tiêu thụ từ 15 kg/người/năm (250 quả) trong năm 2000 lên 20 kg (333 quả)/người/năm vào năm 2030.

## III. QUY MÔ CỦA DỰ ÁN

### 3.1. Các hạng mục xây dựng của dự án

Diện tích đất của dự án gồm các hạng mục xây dựng như sau:

TT	Nội dung	Diện tích	ĐVT
<b>I</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>50.000</b>	<b>m<sup>2</sup></b>
1	Trang trại chăn nuôi heo thịt	6.000	m <sup>2</sup>
2	Trang trại chăn nuôi heo nái	1.500	m <sup>2</sup>
3	Trang trại gia cầm (gà, vịt)	5.000	m <sup>2</sup>
4	Trang trại nuôi gia cầm lấy trứng (gà, vịt)	2.000	m <sup>2</sup>
5	Trang trại chăn nuôi bò	500	m <sup>2</sup>
6	Sân chơi gia súc	2.000	m <sup>2</sup>
7	Nhà điều hành	150	m <sup>2</sup>
8	Nhà kho	1.000	m <sup>2</sup>
9	Nhà bảo quản lạnh, mát	200	m <sup>2</sup>
10	Nhà ăn công nhân	600	m <sup>2</sup>
11	Nhà để xe	300	m

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Diện tích</b>	<b>ĐVT</b>
12	Nhà bảo vệ	32	m <sup>2</sup>
13	Khu xử lý nước thải chăn nuôi	200	m <sup>2</sup>
14	Đường giao thông nội bộ	7.500	m <sup>2</sup>
15	Khuôn viên, sân bãi	23.018	m <sup>2</sup>
	<b><i>Hệ thống tổng thể</i></b>		
-	Hệ thống cấp nước		Hệ thống
-	Hệ thống cấp điện tổng thể		Hệ thống
-	Hệ thống xử lý, thoát nước tổng thể		Hệ thống
-	Hệ thống PCCC		Hệ thống

### 3.2. Bảng tính chi phí phân bổ cho các hạng mục đầu tư

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Diện tích	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền sau VAT
<b>I</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>50.000</b>	<b>m<sup>2</sup></b>		<b>26.560.580</b>
1	Trang trại chăn nuôi heo thịt	6.000	m <sup>2</sup>	1.350	8.100.000
2	Trang trại chăn nuôi heo nái	1.500	m <sup>2</sup>	1.350	2.025.000
3	Trang trại gia cầm (gà, vịt)	5.000	m <sup>2</sup>	950	4.750.000
4	Trang trại nuôi gia cầm lấy trứng (gà, vịt)	2.000	m <sup>2</sup>	1.190	2.380.000
5	Trang trại chăn nuôi bò	500	m <sup>2</sup>	750	375.000
6	Sân chơi gia súc	2.000	m <sup>2</sup>	10	20.000
7	Nhà điều hành	150	m <sup>2</sup>	4.460	669.000
8	Nhà kho	1.000	m <sup>2</sup>	1.610	1.610.000
9	Nhà bảo quản lạnh, mát	200	m <sup>2</sup>	4.460	892.000
10	Nhà ăn công nhân	600	m <sup>2</sup>	1.700	1.020.000
11	Nhà để xe	300	m	650	195.000
12	Nhà bảo vệ	32	m <sup>2</sup>	1.700	54.400

TT	Nội dung	Diện tích	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền sau VAT
13	Khu xử lý nước thải chăn nuôi	200	m <sup>2</sup>	950	190.000
14	Đường giao thông nội bộ	7.500	m <sup>2</sup>	100	750.000
15	Khuôn viên, sân bãi	23.018	m <sup>2</sup>	10	230.180
	<b>Hệ thống tổng thể</b>				
-	Hệ thống cấp nước		Hệ thống	1.100.000	1.100.000
-	Hệ thống cấp điện tổng thể		Hệ thống	700.000	700.000
-	Hệ thống xử lý, thoát nước tổng thể		Hệ thống	1.200.000	1.200.000
-	Hệ thống PCCC		Hệ thống	300.000	300.000
<b>II</b>	<b>Thiết bị</b>				<b>4.200.000</b>
1	Thiết bị văn phòng		Trọn Bộ	300.000	300.000
2	Hệ thống sơ chế, giết mổ tại chỗ		Trọn Bộ	1.000.000	1.000.000
3	Hệ thống chế biến thực phẩm		Trọn Bộ	400.000	400.000
4	Thiết bị đóng gói thực phẩm		Trọn Bộ	200.000	200.000
5	Thiết bị kho đông lạnh, kho mát		Trọn Bộ	800.000	800.000
6	Thiết bị vận chuyển phân phối	2	Chiếc	700.000	1.400.000
7	Thiết bị khác		Trọn Bộ	100.000	100.000
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>		<b>2,562</b>	<b>(GXDtt+GTBtt) * ĐMTL%</b>	<b>788.128</b>

TT	Nội dung	Diện tích	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền sau VAT
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>				<b>2.278.523</b>
1	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi		0,438	(GXDtt+GTBtt) * ĐMTL%	134.656
2	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi		0,812	(GXDtt+GTBtt) * ĐMTL%	249.798
3	Chi phí thiết kế kỹ thuật		1,859	GXDtt * ĐMTL%	493.639
4	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công		1,022	GXDtt * ĐMTL%	271.501
5	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi		0,055	(GXDtt+GTBtt) * ĐMTL%	16.943
6	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi		0,158	(GXDtt+GTBtt) * ĐMTL%	48.594
7	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng		0,158	GXDtt * ĐMTL%	41.899
8	Chi phí thẩm tra dự toán công trình		0,153	GXDtt * ĐMTL%	40.534
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng		2,262	GXDtt * ĐMTL%	600.803
10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị		0,718	GTBtt * ĐMTL%	30.156
11	Chi phí báo cáo đánh giá tác động môi trường		TT		350.000
<b>V</b>	<b>Chi phí vốn lưu động</b>		<b>TT</b>		<b>4.305.000</b>
1	Nhập heo con giống	2.250	TT	1.200	2.700.000



TT	Nội dung	Diện tích	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền sau VAT
2	Nhập gà, vịt con giống	25.000	TT	5	125.000
3	Nhập bê giống	60	TT	8.000	480.000
4	Nhập thức ăn chăn nuôi		TT	800.000	800.000
5	Nhập thuốc phòng dịch			200.000	200.000
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>		<b>5%</b>		<b>1.906.612</b>
	<b>Tổng cộng</b>				<b>40.038.843</b>

## IV. ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

### 4.1. Địa điểm xây dựng

Dự án “Trang trại kết hợp” được thực hiện tại Thôn Làng Cháy, Xã Khe Mo, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên.

### 4.2. Hình thức đầu tư

Dự án được đầu tư theo hình thức xây dựng mới.

## V. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

### 5.1. Nhu cầu sử dụng đất

*Bảng cơ cấu nhu cầu sử dụng đất*

TT	Nội dung	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Trang trại chăn nuôi heo thịt	6.000,0	12,00%
2	Trang trại chăn nuôi heo nái	1.500,0	3,00%
3	Trang trại gia cầm (gà, vịt)	5.000,0	10,00%
4	Trang trại nuôi gia cầm lấy trứng (gà, vịt)	2.000,0	4,00%
5	Trang trại chăn nuôi bò	500,0	1,00%
6	Sân chơi gia súc	2.000,0	4,00%
7	Nhà điều hành	150,0	0,30%
8	Nhà kho	1.000,0	2,00%
9	Nhà bảo quản lạnh, mát	200,0	0,40%
10	Nhà ăn công nhân	600,0	1,20%
11	Nhà để xe	300,0	0,60%
12	Nhà bảo vệ	32,0	0,06%
13	Khu xử lý nước thải chăn nuôi	200,0	0,40%
14	Đường giao thông nội bộ	7.500,0	15,00%
15	Khuôn viên, sân bãi	23.018,0	46,04%
<b>Tổng cộng</b>		<b>50.000,0</b>	<b>100%</b>

## 5.2. Phân tích đánh giá các yếu tố đầu vào đáp ứng nhu cầu của dự án

Các yếu tố đầu vào như nguyên vật liệu, vật tư xây dựng đều có bán tại địa phương và trong nước nên các yếu tố đầu vào phục vụ cho quá trình thực hiện là tương đối thuận lợi và đáp ứng kịp thời.

Đối với nguồn lao động phục vụ quá trình hoạt động sau này, dự kiến sử dụng nguồn lao động của gia đình và tại địa phương. Nên cơ bản thuận lợi cho quá trình thực hiện.



Anh/Chị  
cần hỗ trợ gì về

LẬP DỰ ÁN  
THIẾT KẾ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500  
KÊU GỌI ĐẦU TƯ, LẬP ĐTM...

Anh/Chị liên hệ  
PICC nhé

Hotline:  
**090.303.4381**  
[www.lapduandautu.vn](http://www.lapduandautu.vn)

## CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

### I. PHÂN TÍCH QUI MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

*Bảng tổng hợp quy mô diện tích xây dựng công trình*

TT	Nội dung	Diện tích	ĐVT
<b>I</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>50.000</b>	<b>m<sup>2</sup></b>
1	Trang trại chăn nuôi heo thịt	6.000	m <sup>2</sup>
2	Trang trại chăn nuôi heo nái	1.500	m <sup>2</sup>
3	Trang trại gia cầm (gà, vịt)	5.000	m <sup>2</sup>
4	Trang trại nuôi gia cầm lấy trứng (gà, vịt)	2.000	m <sup>2</sup>
5	Trang trại chăn nuôi bò	500	m <sup>2</sup>
6	Sân chơi gia súc	2.000	m <sup>2</sup>
7	Nhà điều hành	150	m <sup>2</sup>
8	Nhà kho	1.000	m <sup>2</sup>
9	Nhà bảo quản lạnh, mát	200	m <sup>2</sup>
10	Nhà ăn công nhân	600	m <sup>2</sup>
11	Nhà để xe	300	m
12	Nhà bảo vệ	32	m <sup>2</sup>
13	Khu xử lý nước thải chăn nuôi	200	m <sup>2</sup>
14	Đường giao thông nội bộ	7.500	m <sup>2</sup>
15	Khuôn viên, sân bãi	23.018	m <sup>2</sup>

### II. PHÂN TÍCH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ.

#### 2.1. Kỹ thuật chăn nuôi đàn lợn

a) Giữ đàn lợn nuôi trong môi trường được bảo vệ:

+ Khu vực chăn nuôi phải cách xa nhà ở;



Anh/Chị  
cần hỗ trợ gì về

LẬP DỰ ÁN  
THIẾT KẾ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500  
KÊU GỌI ĐẦU TƯ, LẬP ĐTM...

Anh/Chị liên hệ  
PICC nhé

Hotline:  
**090.303.4381**  
www.lapduandautu.vn

- + Có hàng rào ngăn cách với các khu vực khác;
- + Hạn chế tối đa người lạ đi vào khu vực chăn nuôi;
- + Trước cổng, trước mỗi dãy chuồng phải có hố sát trùng;
- + Phải thường xuyên định kỳ tiêu độc khử trùng dụng cụ và khu vực chăn nuôi;
- + Chất thải chăn nuôi được thu gom và xử lý bằng các biện pháp thích hợp.



*Trang trại nuôi lợn*

*b) Chăm sóc nuôi dưỡng và quản lý tốt đàn lợn:*

- + Cung cấp đầy đủ thức ăn chăn nuôi tự chế biến theo kỹ thuật chế biến thức ăn chăn nuôi hữu cơ.
- + Nước uống sạch cho gia lợn;
- + Chuồng nuôi đúng quy cách và đảm bảo mật độ nuôi hợp lý;
- + Định kỳ tiêm phòng và tẩy giun sán cho lợn.

*c) Kiểm soát mọi thứ ra vào khu vực chăn nuôi:*

- + Phải biết rõ lai lịch nguồn gốc, tình trạng bệnh tật của đàn lợn mới nhập;
- + Lợn mới mang về phải nuôi cách ly theo quy định;

- + Kiểm soát thức ăn chăn nuôi và dụng cụ chăn nuôi đưa vào trại;
- + Tránh để chim hoang dã, các loài gặm nhấm, chó, mèo, chuột và người lạ vào khu vực chăn nuôi.

*d) Sản phẩm chăn nuôi đảm bảo an toàn cho người sử dụng:*

- + Thời gian ngưng thuốc trước khi bán để giết mổ đúng quy định.
- + Có sổ sách ghi chép thời gian dùng vắc-xin và thuốc phòng trị bệnh cụ thể của từng đàn, cá thể.

*e) Mục tiêu nuôi dưỡng:*

- Tồn ít thức ăn, lợn khỏe mạnh, lớn nhanh.
- Chất lượng thịt tốt, tỷ lệ thịt nạc cao, tỷ lệ thịt mỡ hàm cao, an toàn với người tiêu dùng.
- Chi phí thức ăn thấp nhất bằng cách tự sản xuất thức ăn cho lợn bằng nguồn nguyên liệu sẵn có như ngô, khoai, sắn,... vừa tiết kiệm chi phí và đem lại nguồn dinh dưỡng cao.

*f) Chọn giống để nuôi lợn thịt:*

- Lợn lai F1 (giữa lợn đực ngoại và cái nội), có khả năng tăng trọng khá, tỷ lệ nạc cao hơn lợn nội thuần.
- Lợn lai 2 máu ngoại, lợn lai 3 và 4 máu ngoại thường thể hiện ưu thế lai cao (lớn nhanh hơn, tiêu tốn thức ăn thấp hơn, khả năng chống chịu bệnh tật tốt hơn so với giống lợn ngoại nguyên chủng nuôi thịt).
- + Lợn lai 2 máu ngoại hiện nay là con lai F1 giữa giống lợn Landrace và giống lợn Yorkshire.
- + Lợn lai 3 máu ngoại hiện nay là con lai giữa lợn nái F1 (Landrace x Yorkshire) phối với đực lợn Duroc. Lợn lai 3 máu ngoại giảm từ 0,1 – 0,3 kg thức ăn/kg tăng khối lượng, rút ngắn thời gian nuôi từ 4 – 6 ngày, tăng tỷ lệ nạc từ 1 – 2% so với nuôi lợn thuần chủng.

Chọn lọc để nuôi thịt: Nên chọn những lợn con:

- Khỏe mạnh, không có khuyết tật (úng, chân yếu...), lông da mịn màng, hồng hào.

- Thân hình phát triển cân đối (trường mình, rộng lưng, nở ngực, mông to, 4 chân khỏe).

*g) Nhập giống lợn:*

- Lợn nhập vào trang trại phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, tiêm phòng vắc xin, thuốc điều trị đã sử dụng (nếu có). Tốt nhất nên nhập từ các trại đã có chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Chỉ nên mua lợn mới từ 1 đến 2 trại đảm bảo an toàn dịch, hạn chế nguy cơ mang bệnh vào trại.

- Khi lợn về đến trại, phải chuyển lợn xuống ngay, đưa vào khu cách ly để nuôi thích nghi. Ghi nhận lại tất cả các biểu hiện bệnh tật của lợn trong quá trình nuôi thích nghi.

- Sau khi nhập lợn phải lên kế hoạch tiêm phòng cho đàn lợn, quan tâm đến một số bệnh như; lở mồm long móng, dịch tả, hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản (PRRS),....

- Cử người thường trực để kịp thời cách ly lợn bị bệnh, nghi có bệnh và điều trị những con bị tổn thương do cắn nhau, bị bệnh.

- Tập cho lợn đi vệ sinh đúng chỗ vào vị trí quy định trong một vài ngày đầu.

*h) Kỹ thuật nuôi dưỡng:*

Giá trị dinh dưỡng trong khẩu phần qua các giai đoạn của lợn thịt:

<b>Khối lượng cơ thể (kg)</b>	<b>Protein thô (%)</b>	<b>Năng lượng trao đổi (ME) kcal</b>
10-30	17-18	3100-3200
31 - 60	15	3100
61 - 100	13	3000

Cách cho ăn, uống:

- Có thể cho lợn ăn tự do hoặc theo bữa.
- Đối với lợn nhỏ dưới 30 kg cho ăn 3 bữa/ngày, lợn lớn hơn cho ăn 2 bữa/ngày.
- Lợn được cung cấp đầy đủ nước sạch bằng vòi uống tự động.
- Cho lợn ăn đúng và đủ khẩu phần đối với từng giai đoạn lợn.
- Cách tính lượng thức ăn cho một lợn thịt/ngày

Khối lượng cơ thể (kg)	Cách tính lượng thức ăn/ngày	Mức ăn/ngày (kg) tính TB cho 1 giai đoạn	Số bữa/ngày
10-30	5,3% x Khối lượng lợn	1,05	3
31 - 60	4,3% x Khối lượng lợn	2,16	2
61 - 100	3,4% x Khối lượng lợn	3,07	2

Ví dụ lợn có khối lượng 40 kg lượng thức ăn cần 1 ngày là  $40 \times 4,3\% = 1,72$  kg.

Tuy nhiên để chăn nuôi lợn thịt đạt tỷ lệ nạc cao có thể áp dụng khuyến cáo cho lợn ăn hạn chế từ ngoài 60 kg khối lượng cơ thể. Mức ăn hạn chế là cho ăn giảm hơn từ 15 – 20% so với mức ăn tự do ở trên.

Định mức ăn hạn chế của lợn thịt

Khối lượng cơ thể (kg)	Lượng thức ăn/con/ngày (kg)	Hàm lượng Protein và Năng lượng trong 1 kg thức ăn
18	0,9	Protein: 17%-18% Năng lượng: 3100 Kcal
27	1,2	
38	1,5	Protein: 15% Năng lượng: 3100 Kcal
50	2	
60	2,2	
68	2,3-2,4	Protein: 13% Năng lượng: 3000 Kcal
75	2,4-2,6	
85	2,6-2,8	



<b>Khối lượng cơ thể (kg)</b>	<b>Lượng thức ăn/con/ngày (kg)</b>	<b>Hàm lượng Protein và Năng lượng trong 1 kg thức ăn</b>
86-100	2,6-2,8	

i) Kỹ thuật chăm sóc quản lý đàn lợn thịt:

- \* Về chuồng nuôi và mật độ nuôi
  - Chuồng nuôi thoáng mát về mùa Hè và ấm áp về mùa Đông.
  - Nền chuồng cần chắc chắn không trơn trượt, có độ dốc 2-3% để thoát nước thải nhanh. Nên sử dụng công nghệ đệm lót sinh học.
  - Chuồng có máng ăn và vòi uống tự động cho lợn; 1 vòi cho 10 lợn, độ cao của núm uống tự động phải phù hợp cho từng độ tuổi của lợn thịt.
  - Không nên nuôi lợn với mật độ quá dày, tối đa là 1 con/m<sup>2</sup>, số lợn/1 ô nên từ 10-15 con.
  - Nhiệt độ thích hợp cho lợn thịt từ 10-30 kg là 20-22oC, cho lợn thịt từ 30-100 kg là 15-16oC.
- \* Vệ sinh thú y
  - Tẩy giun sán cho lợn khi 18-22 kg
  - Kết thúc nuôi 1 lứa lợn cần vệ sinh chuồng trại bằng nước vôi pha loãng hoặc các chất sát trùng và để trống chuồng trong thời gian 1 tuần mới nuôi lứa khác.
  - Tiêm phòng đầy đủ các loại vắc-xin theo quy định

Lịch tiêm phòng cho lợn con và lợn thịt

<b>Loại tiêm phòng</b>	<b>Thời gian tiêm (ngày tuổi)</b>
Tiêm sắt lần 1	3-Feb
Tiêm sắt lần 2	13-Oct
Vắc-xin dịch tả lợn lần 1	20
Vắc-xin dịch tả lợn lần 2	45
Vắc-xin thương hàn lần 1	20
Vắc-xin thương hàn lần 2	28-34

Loại tiêm phòng	Thời gian tiêm (ngày tuổi)
Vắc xin phù đầu	28-35
Vắc -xin tụ - đậu	60

## 2.2. Trang trại nuôi bò

### a) Giống và đặc điểm giống:

Bò thịt có đặc điểm chung là giống bò cao sản, ngoại hình, khối lượng lớn, cơ bắp, nhiều thịt, tỷ lệ xẻ thịt cao và nhiều thịt lọc (thịt tinh). Đặc điểm nổi bật của giống bò chuyên dụng thịt là to con, con cái trưởng thành nặng từ 500–800 kg, con đực trưởng thành nặng từ 900-1.400 kg. Tỷ lệ thịt xẻ đạt từ 60-65%, thích nghi với nuôi chăn thả và vỗ béo. Về ngoại hình, chọn con có thân hình vạm vỡ, mình tròn, mông và vai phát triển như nhau, nhìn tổng thể bò có hình chữ nhật. Trọng lượng phổ biến của bò thịt dao động từ 250 kg đến 350 kg/con và cao hơn, từ 400 kg đến nửa tấn/con.

Thớ thịt bò cái nhỏ hơn bò đực, mô giữa các cơ ít, thịt vị đậm, vỗ béo nhanh hơn bò đực. Ngược lại, bò đực có tỷ lệ thịt xẻ cao hơn bò cái cùng độ tuổi. Bò nuôi từ 16-24 tháng tuổi có thể giết mổ. Tuy nhiên, tuổi giết mổ khác nhau thì chất lượng thịt cũng khác nhau. Thịt bê và bò tơ có màu nhạt, ít mỡ, mềm và thơm ngon. Thịt bò lớn tuổi màu đỏ đậm, nhiều mỡ, dai hơn và không thơm ngon bằng thịt bê tơ. Trong quy trình vỗ béo, có thể thiến bò đực khi nuôi được 7-12 tháng tuổi, bò thiến sớm sẽ béo nhanh hơn và thịt cũng mềm hơn.

### b) Chọn và phối giống:

#### Chọn giống:

Muốn chăn nuôi bò thịt đạt được năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, cần quan tâm đến những vấn đề cơ bản như: Giống, tuổi, giới tính, khối lượng lúc giết mổ, dinh dưỡng và phương thức vỗ béo. Giống là một trong những vấn đề quan trọng nhất. Giống khác nhau thì tốc độ sinh trưởng, phát triển, tích lũy thịt, mỡ khác nhau. Bò nuôi lấy thịt, mục tiêu chung là làm sao để bò ở giai đoạn

tuổi thích hợp đạt trọng lượng cao, kết cấu ngoại hình vững chắc, tỷ lệ thịt xẻ cao, khả năng chuyển hóa thức ăn tốt và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Chọn bò đực để nuôi thịt hoặc đực để sản xuất giống thịt, cần chọn bò có những đặc điểm như sau:

- + Có tầm vóc lớn, khung xương to nhưng xương nhỏ, nhiều thịt.
- + Da bóng mượt, hơi nhăn đùn (lỏng lẻo).
- + Háo ăn, chịu đựng được điều kiện ăn khó khăn, dễ nuôi, ít bệnh.
- + Hiền lành, dễ khống chế.
- + Kiểm tra độ mập ốm trong trường hợp muốn vỗ béo chúng trong thời gian nhất định bằng cách quan sát từ xa, quan sát gần, dùng tay xoa những góc xương để xác định mập ốm hay là nhéo ở góc xương.

Trong chăn nuôi bò thịt, công tác chọn đúng giống, giống tốt phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng. Đây là yếu tố chính quyết định tới năng suất.





Anh/Chị  
cần hỗ trợ gì về

LẬP DỰ ÁN  
THIẾT KẾ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500  
KÊU GỌI ĐẦU TƯ, LẬP ĐTM...

Anh/Chị liên hệ  
PICC nhé

Hotline:  
**090.303.4381**  
[www.lapduandautu.vn](http://www.lapduandautu.vn)



**c) Chăm sóc nuôi dưỡng:**

**Xây dựng chuồng trại:**

Cũng như một số kỹ thuật xây chuồng trại cho các loài vật nuôi khác. Điều cần lưu ý là hướng chuồng, nên làm theo hướng Đông Nam để tránh gió lùa và giữ ấm cho mùa lạnh và mát cho mùa hè.

Vật liệu xây chuồng cho bò không quá đắt, có thể tận dụng gỗ, tre, nứa để làm.

Xây theo từng ô để dễ quản lý và chăm sóc. Mật độ trung bình 3 – 4 m<sup>2</sup>/con.

Thiết kế hệ thống thoát nước hoạt động hiệu quả tránh tồn đọng nước trên nền chuồng, phải đảm bảo nền chuồng luôn khô ráo, thông thoáng.

Trang bị máng ăn với diện tích 0,6 x 1,2m, máng uống 0,6×0,6×0,4m.

Thiết kế lắp đặt hầm biogas để xử lý chất thải.



### ***Thức ăn***

Khác với chăn nuôi bò theo hình thức chăn thả truyền thống trước đây, chăn nuôi bò thịt khá đơn giản mà vẫn mang lại hiệu quả cao bởi người nuôi không tốn nhiều công chăm sóc chỉ cần áp dụng đúng quy trình kỹ thuật trong khâu nuôi dưỡng thì bò sẽ tăng trưởng và phát triển nhanh.



Nguồn thức ăn chủ yếu của bò thịt vẫn là các loại cỏ tươi rơm rạ, cỏ khô, thức ăn xanh thô, củ quả, ngoài ra còn có các loại thức ăn ủ chua, rơm đã được kiểm hóa các loại thức ăn tinh chế. Chăn nuôi bò thịt bằng các thức ăn vỗ béo khác với chăn nuôi bò truyền thống là có bổ sung thêm thức ăn tinh và các phụ phẩm như bột rơm, cám.

Dự án sử dụng nguồn thức ăn chủ yếu từ hình thức thức ăn ủ chua từ ngô và các loại cỏ do chính dự án cung cấp và chế biến.

Việc chăm sóc nuôi dưỡng là yếu tố rất quan trọng giúp đàn bò phát triển nhanh. Thời gian vỗ béo thường kéo dài từ 2- 2,5 tháng nhưng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả vỗ béo của bò. Chăm sóc nuôi dưỡng bò vỗ béo chủ yếu là cách chọn lựa thức ăn và cách cho bò ăn. Thức ăn của bò vỗ béo chủ yếu là thức ăn thô xanh đây là nguồn thức ăn rất quan trọng đối với bò vỗ béo.

Mặc dù việc cung cấp dinh dưỡng của thức ăn thô xanh không cao nhưng thức ăn thô xanh lại đóng vai trò rất quan trọng giúp cho bò không bị chướng hơi, dạ cỏ do sử dụng quá nhiều thức ăn tinh trong suốt quá trình vỗ béo. Cần cung cấp đầy đủ lượng thức ăn thô xanh có chất lượng tốt đã băm nhỏ và cho bò ăn tự do

cả ngày. Đối với thức ăn thô xanh là cỏ tươi khi cắt về nên rửa và phơi tái sau đó cho bò ăn, đảm bảo sạch mầm bệnh giảm chướng hơi, dạ cỏ và ngộ độc.

Đối với phụ phẩm như thân lá cây ngô, bẹ ngô có thể cho ăn thẳng sau khi băm nhỏ. Không nên cho bò ăn quá nhiều cây họ đậu như dây lạc, đỗ trong một bữa tối đa chỉ được cho ăn 1/3 khẩu phần dưới 10 kg một bữa để đảm bảo nguồn cỏ cho bò luôn dồi dào quanh năm và phù hợp với hình thức nuôi nhốt. Nên có diện tích đất để trồng cỏ, việc chọn cỏ dễ trồng sinh trưởng và phát triển nhanh cũng rất quan trọng trong chăn nuôi bò thịt. Hiện có nhiều loại cỏ như Va06, Ruzi, cỏ sữa cho năng suất dinh dưỡng cao rất thích hợp để trồng làm thức ăn cho bò.

Bên cạnh việc cung cấp đầy đủ lượng thức ăn thô xanh cho bò thịt, cần bổ sung thêm các loại thức ăn tinh như bột bắp cám gạo, bột mì, thức ăn giàu protein, giàu đạm để nâng cao hiệu quả vỗ béo bò. Ngoài ra, có thể dùng các phụ phẩm nông nghiệp như rơm, thân cây bắp, cây mía, để chế biến thành thức ăn, ủ chua để dành cho bò ăn dần vào mùa khô thiếu cỏ.

Trước khi bán thịt nếu bò gầy cần vỗ béo khoảng 2 tháng sẽ cho lợi nhuận cao. Trong thời gian vỗ béo bò cần nuôi nhốt hoàn toàn cung cấp thức ăn, nước uống tại trường. Vỗ béo bò quan trọng nhất là sử dụng lượng thức ăn tinh hợp lý, kết hợp hài hòa với thức ăn thô xanh và các phụ phẩm khác. Đồng thời phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng của bò để bò tích lũy tạo thịt trong cơ thể càng nhiều càng tốt.





**Lưu ý:** Luôn luôn có nước sạch trong máng uống trong thời gian vỗ béo. Nên bổ sung từ 20- 30 g muối ăn vào nước uống cho bò mỗi ngày. Ngoài chế độ ăn hợp lý thì thường xuyên theo dõi quản lý chăm sóc bò trong quá trình nuôi vỗ béo bò. Hàng ngày cân lượng thức ăn trước khi cho bò ăn vào buổi sáng ngày hôm trước và thức ăn thừa buổi sáng ngày hôm sau. Cần có sổ ghi chép về tình trạng sức khỏe tăng khối lượng và tiêu tốn thức ăn của bò để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp

## 2.3. Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt

### a. Chọn giống

Giống là yếu tố quyết định rất nhiều tới chất lượng và số lượng gà thương phẩm sau này. Để gà nhanh lớn và mẫu mã đẹp thì chọn giống gà là yếu tố mà các hộ chăn nuôi cần chú ý bởi công đoạn này cần chuẩn bị chu đáo kết hợp với kỹ thuật nuôi gà thịt đúng cách sẽ mang lại hiệu quả bất ngờ.

Vì vậy khi đã quyết định chăn nuôi gà với quy mô lớn làm thương phẩm thì việc tìm hiểu và thay đổi đầu tiên là tìm con giống chất lượng tốt.

Khi chọn gà giống, người chăn nuôi cần chọn những con mắt sáng, nhanh nhẹn và có kích thước đều nhau. Những con gà khỏe thì lông sẽ bông, mịn, không bị hở rốn, chân mập và khỏe, da chân săn lại.

### b. Nuôi gà con

#### *Chuẩn bị quây úm*

Quây úm nên làm bằng cốt bố trí trong chuồng úm, không nên làm gần cửa ra vào tránh gió lùa. Các tấm cốt có chiều cao từ **60 – 80cm**, có thể dùng các tấm quây vòng tròn có đường kính **2,8 – 3,0m** hoặc hình chữ nhật có kích thước **2×3m** khoảng **6m<sup>2</sup>**.

Một quây gà đường kính như trên nuôi được 400 gà con vào mùa hè và 500con vào mùa đông.



**Bố trí trong quây úm:** Khay, mẹt cho gà con ăn và máng uống nhỏ được bố trí xen kẽ nhau trong quây đảm bảo cho gà con ăn uống được thuận tiện.

Sưởi ấm giữ nhiệt trong quây úm dùng bóng hồng ngoại để cung cấp nhiệt sưởi, treo cao 40 – 50 cm so với mặt nền đảm bảo nhiệt độ trong quây úm trong 3 tuần đầu từ 35 – 32°C,

Vào những ngày trời lạnh cần phủ thêm chiếu hoặc màn lưới đen lên trên quây úm có tác dụng không làm cho nhiệt thoát ra ngoài, giữ ấm cho gà con và tiết kiệm được điện.

**Chú ý thời gian chiếu sáng:** cho gà con từ 24 – 8 tiếng/ngày trong từ 1 – 30 ngày tuổi. Ban ngày có thể tận dụng ánh sáng tự nhiên.



Điều này vừa giúp tiết kiệm điện vừa sử dụng ánh sáng tự nhiên giúp gà phát triển tốt và diệt khuẩn trong môi trường chuồng nuôi.

Trước khi nhận gà vào quây phải

Kéo rèm che kín chuồng

Bật đèn sưởi ấm trong quây úm khoảng 2 giờ nếu thời tiết ngoài trời lạnh

Cho nước vào máng uống.

Trong nước uống cần pha thêm thuốc kháng sinh, Bcomplex, và đường Glucoz theo hướng dẫn. Nước uống phải là nước sạch, an toàn và có thể đun nước cho ấm nếu úm gà vào mùa lạnh.

Nước uống được cho vào máng gallon loại **1,5-2lit**, đáy máng uống được kê phẳng bằng gạch mỏng đặt trên đệm lót.



Trải đều và mỏng thức ăn cho gà con lên máng ăn, để xen kẽ với máng uống tránh để dưới ngay bóng điện.

Sau khi thả gà vào quây: Kiểm tra lại số lượng con sống và con chết, loại bỏ những con chết và gà không đạt tiêu chuẩn ra khỏi chuồng, quan sát và phân bố đều gà trong quây úm để gà uống nước và ăn ngay.

### ***Quy trình nuôi dưỡng***

Từ tuần thứ nhất đến tuần thứ ba dùng thức ăn gà con chủng loại 1-21.

Từ tuần thứ 3 đến tuần thứ 6 dùng thức ăn gà dò chủng loại 21-42 ngày.

Từ tuần thứ 7 trở đi dùng thức ăn gà vỗ béo chủng loại 43 ngày – xuất bán.

Khi chuyển thức ăn từ thức ăn gà con sang thức ăn gà dò, công thức thay đổi cho gà ăn như sau:

Ngày thứ nhất 75% thức ăn cũ và 25% thức ăn mới

Ngày thứ hai 50% thức ăn cũ và 50% thức ăn mới

Ngày thứ ba 25% thức ăn cũ và 75% thức ăn mới

Ngày thứ tư cho ăn 100% thức ăn mới

Tuần thứ nhất đến hết tuần thứ hai cho gà ăn bằng khay hoặc mẹt (100 gà đặt 1 khay ăn). Rải mỏng, đều thức ăn lên khay ăn hoặc mẹt độ dày 1cm, sau đó từ 2-3 giờ cạo sạch thức ăn lẫn phân có trong khay đem sàng để gạt bỏ phân ra ngoài, tận thu thức ăn cũ và tiếp thêm lượt mỏng thức ăn mới.

Cho gà ăn tự do cả ngày đêm, bổ sung thêm thức ăn cho gà trong một ngày đêm từ 6-7 lần.



Khi gà được 3 tuần tuổi trở đi thay thế khay ăn bằng máng ăn cỡ trung bình **P30** hoặc máng đại **P50 (25 – 30 con/máng)**, cần treo máng bằng dây, miệng máng đặt ngang với lưng gà

**Cho gà uống nước:** Dùng máng uống gallon chứa nước cho gà uống, dùng máng cỡ 4,0 lít hoặc 8 lít. Để máng uống kê thật phẳng bằng gạch cao hơn độn lót chuồng từ 4 cm đến 5 cm để gà không bới độn lót vào làm bẩn nước uống.

Máng uống đặt với số lượng 100 con cho 1 máng. Máng uống được rửa sạch hàng ngày theo quy định của thú y, hàng ngày thay nước uống cho gà khoảng 4 lần (sáng, chiều, tối, và giữa đêm).

#### ***Vệ sinh chuồng trại, dụng cụ nuôi gà***

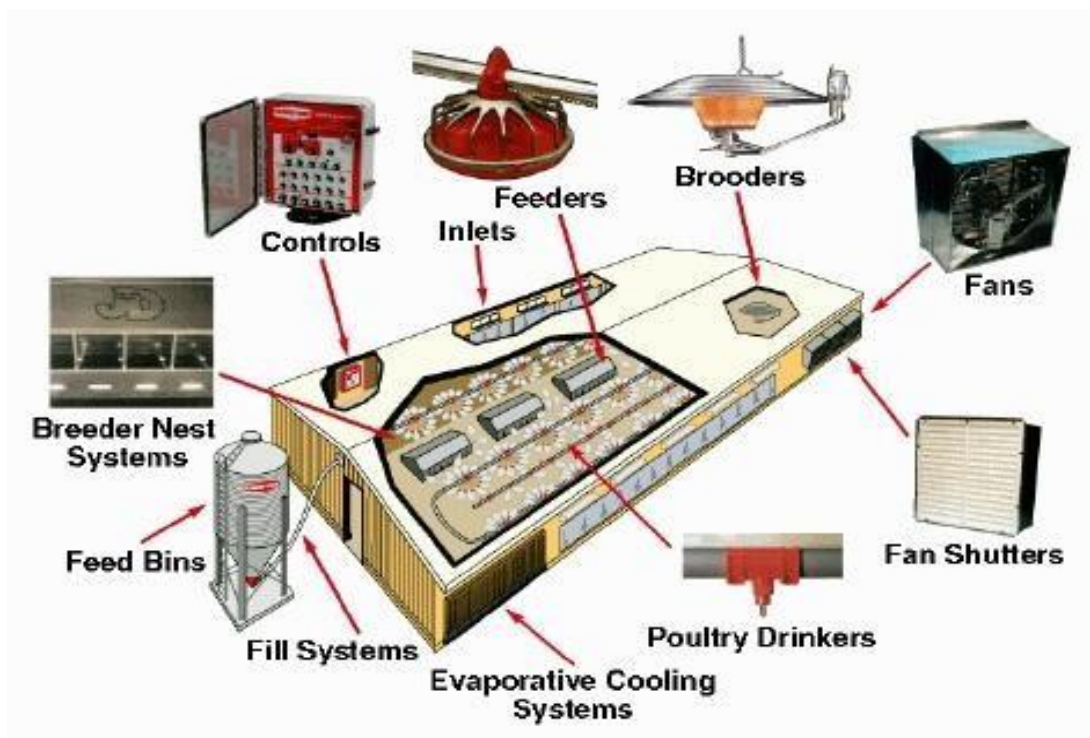
Giai đoạn úm hàng ngày kiểm tra và dọn rìa xung quanh máng uống, độn chuồng bị ướt, xới đảo độn lót chuồng từ 7 – 10 ngày/lần và bổ sung thêm lượt mỏng độn lót. Không thay độn lót chuồng thường xuyên.



Để đảm bảo cho đàn gà khỏe mạnh, chuồng nuôi, vườn chăn thả phải thường xuyên vệ sinh sát trùng bằng các loại thuốc sát trùng một tuần một lần hoặc vôi bột 15 ngày/ lần. Phòng bệnh cho gà theo đúng lịch.

Máng ăn hàng ngày phải vệ sinh bằng cách dùng khăn lau sạch trước khi đổ thức ăn, tiêu độc máng ăn 1 lần/tuần.

Máng uống hàng ngày phải cọ rửa.



### Các thiết bị trong chuồng

Phun thuốc sát trùng toàn bộ chuồng nuôi **1 lần/tuần** trong trường hợp khu vực không có dịch bệnh và 3 ngày/lần khi khu vực xung quanh có dịch bệnh.

Hàng ngày phải thay thuốc sát trùng trong khay để trước cửa ra vào chuồng nuôi.

Khu vực vườn thả phải dọn dẹp, san lấp những hố vũng, phát quang bụi rậm, không được để sân vườn đọng nước.

## 2.4. Kỹ thuật nuôi gà đẻ trứng

### 2.4.1. Khâu chuẩn bị dụng cụ chăn nuôi

Cần chuẩn bị rèm che, máng ăn, máng uống, lồng gà nếu cần thiết. sử dụng rèm che để chắn gió lùa, mưa nắng. Máng ăn máng uống là loại máng dài khoảng 10cm bằng nhựa hoặc bằng kim loại.

Chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi cần được sát trùng sạch sẽ: rắc vôi và phun thuốc sát trùng lên toàn bộ chuồng, lồng, rèm, máng ăn, máng uống, rèm che, tường, trần. Sử dụng thuốc sát trùng con cò hoặc formol 2% với liều lượng 1



lít/m<sup>2</sup>. Các thiết bị nhỏ phải được cọ rửa sạch sẽ, sau khi sát trùng chuồng trại cần để khô từ 7 – 10 ngày mới cho gà vào chăn nuôi.

*Chuồng trại cần sát trùng sạch sẽ để gà phát triển tốt nhất*

Trước mỗi cửa ra vào của chuồng cần có hố sát trùng, hạn chế người qua lại ra vào nhiều.

#### **2.4.2. Giai đoạn gà hậu bị**

Đối với gà đẻ trứng thì đây là giai đoạn rất quan trọng quyết định đến năng suất đẻ trứng, cho trứng to hay nhỏ nên cần hết sức lưu ý đến 2 yếu tố (chế độ ăn và ánh sáng) thực hiện đúng phương pháp để đem lại thu nhập cao.

\* Chế độ ăn: cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho gà theo từng giai đoạn phát triển. Ở giai đoạn gà từ 1-9 tuần tuổi cần cho gà ăn loại cám hỗn hợp con cò 26 hoặc 21. Có thể sử dụng cám hỗn hợp để tiết kiệm chi phí theo tỷ lệ sau: sử dụng 100kg cám trộn trong đó có 32% cám Con Cò C25, 53% ngô, 10% tấm, 5% cám gạo. Cho đến tuần thứ 9 kiểm tra trọng lượng gà đạt 730g/con tương đương với khả năng tiêu thụ 52g/con/ ngày là đạt tiêu chuẩn.

Gà từ 10 tuần tuổi đến 19 tuần tuổi: Trong giai đoạn này sử dụng cám hỗn hợp Con Cò C27 hoặc cám đậm đặc Con Cò C25 với tỷ lệ pha trộn là trong 100kg cám hỗn hợp có 26% C25, 34% là ngô, 25% là thóc xay, 15% cám gạo. Trọng lượng gà đạt được ở 19 tuần tuổi là 1620g/ con, tiêu thụ hết 85g cám trộn/ con/ ngày.

#### **2.4.3. Kỹ thuật kiểm tra mức độ tăng trọng của gà hậu bị**

Cần theo dõi định mức thể trọng của gà theo từng giai đoạn tuổi để gà hậu bị đạt tiêu chuẩn bước vào giai đoạn gà đẻ trứng cho năng suất cao.

Cần bố trí đủ máng ăn, máng uống và mật độ theo quy định để gà phát triển đồng đều. Cứ 2 tuần cân gà 1 lần, cân vào lúc đói cho kết quả chính xác nhất giúp bà con dễ dàng phân đàn và điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp

*Đảm bảo đầy đủ ánh sáng cho gà đẻ trứng có năng suất cao*

Đàn gà hậu bị tốt là ở độ 19 tuần tuổi gà có trọng lượng chuẩn = 5% và đạt tỷ lệ đồng đều là 80% so với tổng đàn gà.

Chế độ chiếu sáng rất quan trọng, đây chính là yếu tố giúp gà thuần thực giới tính đúng ngày, đẻ sai và duy trì năng suất đẻ. Thời gian chiếu sáng phụ thuộc vào độ tuổi của gà:

Độ tuổi	Thời gian chiếu sáng
1-2 tuần	24/24h
3-7 tuần	23/24h
Tuần thứ 11	13/24h
12 -18 tuần	Sử dụng ánh sáng tự nhiên
19 -22 tuần	16/24h

Lưu ý: ở tuần 19 -22 tuần tuổi sử dụng cường độ ánh sáng là 4w/m<sup>2</sup> với thời gian chiếu sáng là 16h và duy trì suốt thời kỳ gà đẻ.

#### Kỹ thuật chăm sóc gà ở giai đoạn đẻ trứng

\* Các loại thức ăn: sử dụng thức ăn là cám đậm đặc Con Cò C24 hoặc cám đậm đặc Con Cò C21 hoặc cám đậm đặc Con Cò 210 (của CTY Thức ăn gia súc Con Cò)

- Gà từ 20 tuần tuổi: Sử dụng cám Con Cò C210, pha trộn theo tỷ lệ sau: Cứ 100g cám hỗn hợp trộn có 37% C210, 23% ngô, 40% cám gạo hoặc trộn theo tỷ lệ 33% C210, ngô 40%, cám gạo 25%.

- Gà trên 40 tuần tuổi sử dụng cám hỗn hợp trộn theo tỷ lệ pha trộn như sau : Cứ 100kg? cám hỗn hợp trộn có 33% cám Con CòC21 0, 27% ngô, 40% cám gạo. Cho gà ăn 2 lần trong ngày: Lần 1: 75% thức ăn vào buổi sáng, lần 2-3 lần 25% vào buổi chiều.

\* Nước uống phải luôn đảm bảo số lượng 250ml/con, luôn sạch và mát 26 độ C. duy trì 16h chiếu sáng/ ngày.

Tiếp tục theo dõi thể trọng gà, trong giai đoạn này, phải tăng trọng chậm đặc biệt. Trong 5 - 6 tháng đầu thời kỳ đẻ. Ngược lại sự giảm trọng lượng trong thời kỳ này thường dẫn tới sự sụt đẻ và thay lông. Loại bỏ những gà không đủ tiêu chuẩn như đầu to hay quá dài, mỏ kém phát triển và có vảy trắng...

*Tiêm chủng thuốc vắc xin phòng bệnh cho gà theo định kỳ*

### **Lịch tiêm phòng cho gà đẻ trứng**

Độ tuổi	Phương pháp điều trị
1 ngày tuổi	Dùng vacxin phòng bệnh Marex.
3 ngày tuổi	Nhỏ vacxin phòng dịch tả và viêm phế quản.
Từ 1-3 tuổi	Chống stress và viêm rốn thương hàn bằng Colitetravet 1 g/ lít + 1g Vitamin C.
4-6 ngày tuổi	phòng bệnh hen suyễn và sổ mũi bằng Tri-alplucine 1 g/1 lít nước.
Gà đẻ 7 ngày tuổi	phòng bệnh Gumboro.
Gà 10 ngày tuổi	Chủng vắc xin đậu
Gà 14 ngày tuổi	Phòng Gumboro và dịch tả gà.
Gà từ 22 - 24 ngày tuổi	Phòng cầu trùng
Gà từ 26 - 28 ngày tuổi	Phòng CRD, E-coli, thương hàn, Tri-alplucine 1 g/1lít.
Gà từ 33 -37 ngày tuổi	Phòng cầu trùng
Gà đến 42 ngày tuổi	Phòng E-coli, tụ huyết trùng bằng Neotlyphomicine 0,15 ml/con .
63 ngày tuổi	Phòng Gumboro.

70 ngày tuổi	Tiêm phòng dịch tả, phù đầu, hội chứng giảm đẻ bằng OVO 0,15cc/con.
98 ngày tuổi	Phòng tụ huyết trùng
Gà đến 1 1 2 ngày tuổi	Tiêm phòng dịch tả, phù đầu, hội chứng giảm đẻ.
Sau 4 tháng	Tiêm lại vắc xin dịch tả gà

## 2.5. Kỹ thuật chăn nuôi vịt

### 2.5.1. Chọn giống vịt thịt

Chọn vịt nuôi lấy thịt cần phải đảm bảo các tiêu chí chung về tầm vóc, khả năng linh hoạt nhảy bèn, khả năng kiếm mồi. Cụ thể:

– Tầm vóc: Vịt siêu thịt phải có tầm vóc lớn, có khả năng tăng trưởng nhanh. Vịt cái phải đạt trọng lượng từ 3 – 3,6kg, vịt đực phải đạt trọng lượng từ 3,5 – 5kg.

– Lựa chọn những con khỏe mạnh, không bị dị tật, mắt sáng, bụng gọn, không bị hở rốn, bết lông, chân không bị queo, đi lại nhanh nhẹn, vững vàng...

– Ngoài ra, vịt nuôi lấy thịt thường bà con nên chọn giống từ các tổ hợp lai 2, 3, 4 máu để đạt được sản lượng cao, khả năng thích nghi tốt.

*Một số giống vịt hướng thịt bà con có thể chọn lựa để chăn nuôi như:*

#### **Giống vịt VC Super M:**

Đây là giống vịt siêu thịt được nuôi phổ biến nhất ở nước ta. Giống này có nguồn gốc từ Anh có lông màu trắng tuyền, mỏ và chân màu vàng da cam.

Về ngoại hình, vịt VC Super M có thân dài, ngực sâu, lưng phẳng, đầu to, chân vững, cổ dài.

Vịt có thể giết mổ sau khi nuôi khoảng 56 ngày tuổi, khối lượng đạt được từ 2,8 – 3,2kg/ con với khối lượng thịt xẻ chiếm 74 – 76%.

#### **Vịt Szarxvas:**



Anh/Chị  
cần hỗ trợ gì về

LẬP DỰ ÁN  
THIẾT KẾ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500  
KÊU GỌI ĐẦU TƯ, LẬP ĐTM...

Anh/Chị liên hệ  
PICC nhé

Hotline:  
**090.303.4381**  
www.lapduandautu.vn

Giống vịt này có xuất xứ từ Hungary, lông màu trắng tuyền, mỏ vàng, chân nhỏ, thịt thơm ngon được nhiều người ưa chuộng.

Nếu được nuôi trong môi trường tốt, cung cấp đầy đủ nguồn thức ăn thì vịt sẽ cho xuất bán từ 49 ngày tuổi với khối lượng 2,85kg/ con.

#### *Vịt Cherry Valley:*

Đây là giống vịt siêu thịt được nhập nhiều về Việt Nam. Sau khi nuôi khoảng 75 ngày tuổi, vịt có thể xuất bán hương thịt với khối lượng đạt từ 2,2 – 2,3kg/ con.

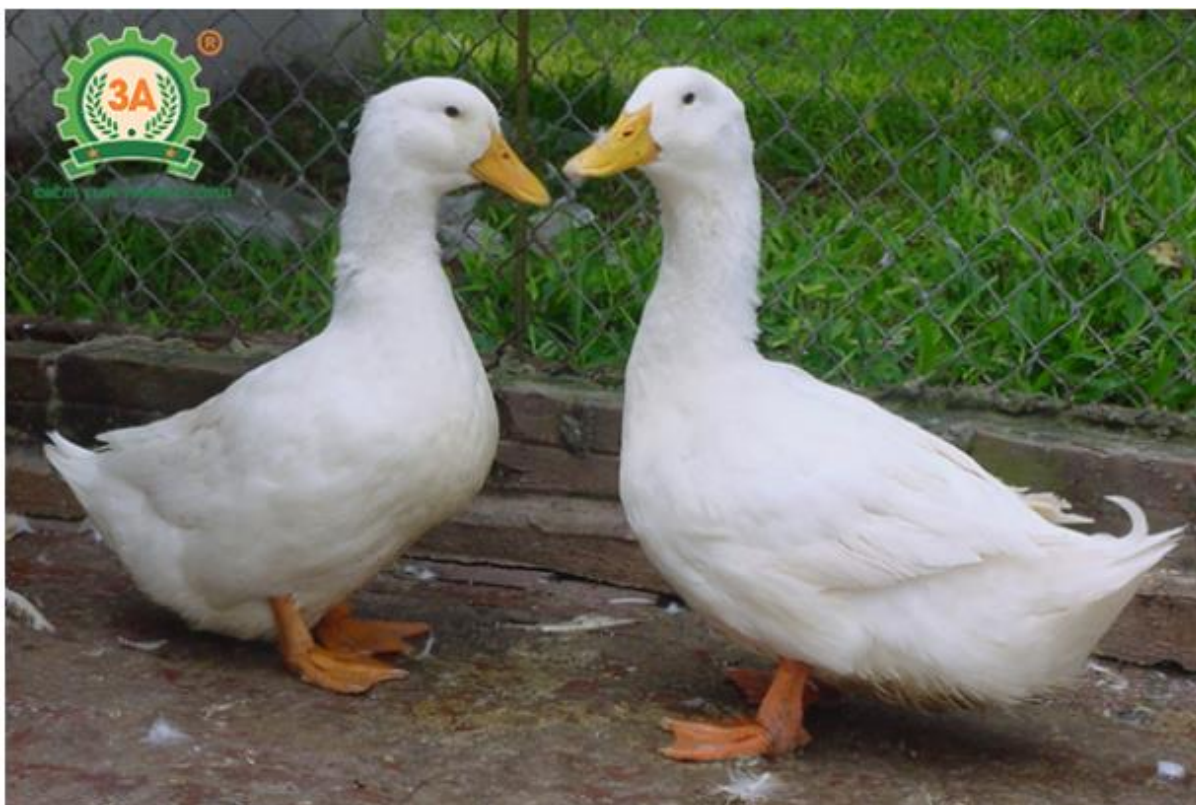
#### **Vịt Bắc Kinh**

Vịt Bắc Kinh cũng là giống vịt cao sản được nhiều địa phương chăn nuôi. Ngoài việc nuôi lấy thịt, nhiều trang trại cũng nuôi để lai tạo sinh sản với một số giống khác để loại bỏ những nhược điểm của vịt nhằm tăng năng suất và sản lượng. Vịt Bắc Kinh nuôi khoảng 60 ngày tuổi có thể đạt trọng lượng từ 2,0 – 2,2kg/con.

Đây là giống vịt lai tạo giữa vịt Tiệp dòng và vịt Anh Đào được nuôi phổ biến ở các tỉnh phía Nam Việt Nam. Giống vịt lai tạo này phát triển rất nhanh, tầm vóc lớn, đến tuần thứ 7 sau khi nuôi đã có trọng lượng 2,2 – 2,3kg/ con.

#### **Vịt CV Super M2**

Giống vịt này có thể thích nghi tốt với điều kiện khí hậu của 2 miền Nam – Bắc. Sau khi nuôi từ 47 – 54 ngày, vịt có trọng lượng cơ thể đạt 3,0 – 3,3kg/con, là một trong những giống vịt siêu thịt tốt hiện nay.



*Hình ảnh Vịt CV Super M2*

*Chuẩn bị chuồng trại và dụng cụ nuôi*

Trong **kỹ thuật nuôi vịt siêu thịt**, không thể bỏ qua khâu xây dựng chuồng trại. Tùy vào điều kiện vị trí nuôi, có thể nuôi vịt theo mô hình bán thâm canh có hồ nước, sông suối, ao, kênh rạch hoặc nuôi nhốt chuồng hoàn toàn, tức là nuôi trên nền hoặc trên sàn. Mô hình thứ 2 hiện nay được nhiều người áp dụng vì không quá phức tạp lại giúp hạn chế dịch bệnh, giảm ô nhiễm môi trường nước...

*Yêu cầu về chuồng trại*

Vị trí nuôi chuồng phải cách xa khu dân cư, khu nhà ở, nguồn nước sinh hoạt, đường giao thông để đảm bảo không làm ô nhiễm môi trường xung quanh.

Khu chuồng nhốt phải cao ráo, thoáng mát, tránh gió lùa, tránh chuột, thú hoang. Nên xây theo hướng Đông để đón ánh nắng buổi sáng. Chuồng nuôi phải được xây dựng kiên cố, bên trên có thể lợp bằng lá cọ, tấm ngói hoặc tấm lợp. Phần hiên nhô ra ngoài khoảng từ 1 – 1,5m để mưa không hắt vào.

Nền chuồng nuôi vịt có thể là nền láng xi măng, nền gạch hoặc sàn bằng lưới. Sàn lưới sẽ thích hợp với vịt con từ khi bắt về đến tuần thứ 2. Sàn cần phải làm cao cách mặt đất 0,8 – 1m. Nền chuồng làm với độ nghiêng nhất định để dễ dàng vệ sinh, thoát nước. Trong chuồng nuôi vịt bắt buộc phải có chất độn chuồng dày từ 8 – 10cm.



#### *Một kiểu chuồng nuôi vịt thịt*

Nếu xây dựng chuồng trại quy mô lớn thì khoảng cách tối thiểu giữa các chuồng nuôi là 20m để thuận tiện trong việc chăm sóc.

Phía trước chuồng nuôi có khu sân chơi để thả vịt đi lại giúp thịt săn chắc, thơm ngon hơn. Diện tích sân chơi phải rộng gấp 2 – 3 lần chuồng nuôi.

*Đối với chuồng úm vịt còn khi mới nhập về:*

Cần đảm bảo kích thước chiều rộng 6m, dài 12m cho từ 1500 – 2000 con vịt trong vòng 2 tuần đầu.

Khoảng cách từ nền chuồng đến nóc phải cách ít nhất 3,5m để đảm bảo độ thông thoáng.

Hoặc có thể làm quây vịt bằng cốt với chiều dài 4- 4,5m, chiều cao 0,4 – 0,5m cho 60 – 70 con vịt con.

*Đối với kiểu chuồng mở để nuôi vịt siêu thịt:*

Chiều rộng chuồng nuôi từ 10 – 12m, chiều dài sẽ phụ thuộc vào số lượng đàn vịt.

Khoảng cách tối thiểu từ nền chuồng đến nóc là 3,8m

*Dụng cụ chặn nuôi vịt cần thiết*

Rèm che: Rèm che được bố trí xung quanh chuồng nuôi để giữ ấm, tránh gió lùa vào đàn vịt khi trời lạnh hoặc ngày mưa bão. Có thể sử dụng vải bạt, cốt ép hoặc phên liếp để quay và buộc cố định, chắc chắn.

Máng ăn: Nên sử dụng máng ăn làm bằng tôn với kích thước 70 x 50 x 2,5cm dùng cho 70 – 100 con/ máng. Đến tuần thứ 3 thì sử dụng máng ăn có kích thước 70 x 50 x 5cm hoặc các máng nhựa.

Máng uống: Sử dụng máng uống cho vịt cũng chia theo từng giai đoạn. Vịt từ 1 – 2 tuần tuổi dùng máng tròn loại 2 lít. Từ 3 – 8 tuần tuổi dùng máng tròn loại 5 lít hoặc chậu nhựa, máng tôn có kích thước phù hợp.

Chụp sưởi: Vịt con cũng cần được sưởi ấm để kích thích ăn uống, giúp hệ tiêu hóa hoạt động tốt, sinh trưởng ổn định. Trong lồng nuôi úm, cần bố trí bóng đèn 75W cho 60 – 70 con vịt con. Vào mùa đông cần tăng lượng nhiệt bằng cách bố trí 2 bóng điện.

***Kỹ thuật nuôi vịt siêu thịt***

Cách úm vịt con

Cách nuôi vịt thịt nhanh lớn là cần phải thiết kế lồng úm và nuôi úm trong 2 tuần đầu.

**Vịt từ 1 – 3 ngày tuổi:**



2h đầu khi mới bắt vịt con về, pha cho vịt uống 2g vitamin C, 50g Glucose với 1 lít nước dùng cho từ 80 – 100 con vịt. Tùy thuộc vào số lượng mà bà con pha với lượng nước vừa đủ, tránh dư thừa. Cho đàn vịt con uống liên tục như vậy trong vòng 3 ngày đầu để vịt phục hồi lại sức khỏe, giảm mệt mỏi, stress sau chuyển đi dài.

Sau từ 2 – 4h thì cho vịt con tập làm quen với thức ăn là cám vịt con hoặc cơm nguội không bị ôi thiu trải đều trên giấy. Không nên cho vịt con ăn quá nhiều sẽ dẫn đến bội thực. Mặt khác bên trong bụng của chúng còn dư một phần lòng đỏ, đây sẽ là nguồn cung cấp dinh dưỡng cho cơ thể. Đồng thời chúng cũng cần có thời gian để tiêu hóa và nạp thức ăn mới.

Từ ngày thứ 3 trở đi sẽ tập cho vịt con ăn cơm nguội trộn với cám ngô xay mịn và nấu chín. Công thức phối trộn thức ăn trung bình cho 1 con vịt con: 8g cơm nguội + 2g bèo, rau thái nhỏ, chia nhỏ thành từ 6 – 7 bữa/ ngày.

Bà con có thể duy trì mật độ nuôi từ 20 – 25 con/m<sup>2</sup> từ 1 – 7 ngày. Vịt con từ 1 – 3 ngày tuổi sẽ bắt đầu tiêm vacxin viêm gan lần thứ nhất.

#### **Vịt con từ 4 – 10 ngày tuổi:**

Cách nuôi vịt con nhanh lớn từ 4 – 10 ngày tuổi là bắt đầu cho vịt con siêu thịt làm quen với nguồn thức ăn tự nhiên từ xác động vật như: ốc, cá con, tôm tép. Tuy nhiên ốc phải luộc chín, khều thịt, cá con và tôm cũng phải băm nhỏ. Nhớ bổ sung thêm một ít thức ăn từ rau xanh băm nhỏ thêm vào cuối bữa cho đàn vịt.

Nguồn thức ăn chủ yếu vẫn là cơm nguội, ngô nghiền nhỏ, cám gạo, cám ngô nấu chín.

<b>Ngày tuổi</b>	<b>Cách trộn</b>	<b>Lượng thức ăn/ con/ ngày (g)</b>	<b>Số bữa trong ngày</b>
------------------	------------------	-------------------------------------	--------------------------

4 – 7	10g com + 4g môi tươi + 2g đậu xanh + 3g rau bèo thái	19	5 – 6
7 – 10	18g com + 5g môi tươi + 3g đậu xanh + 5g rau, bèo thái nhỏ	31	4- 5

Lưu ý:

Không nên sử dụng quá nhiều muối trong thức ăn của vịt sẽ khiến chúng bị ngộ độc.

Nếu có ao nuôi ngay cạnh chuồng thì cũng có thể thả chúng ra ao tắm từ 5 – 10 phút sau đó lại lùa vào chuồng úm để tránh bị cảm lạnh.

Mật độ nuôi lúc này nên dần cách dần ra ở khoảng từ 10 – 15 con/m<sup>2</sup> để kích thích và tạo không gian vịt con đi lại, nhanh lớn.

Vào ngày thứ 7 có thể tiêm vaccin dịch tả vịt đông khô TW2

**Vịt con từ 11 – 20 ngày tuổi:**

Vẫn có thể duy trì mật độ nuôi từ 10 – 15 con/m<sup>2</sup>.

Từ ngày thứ 11 đến 14 thay dần sang thức ăn là gạo, gạo tấm hoặc ngô ngâm nước sau đó trộn thêm một ít cám bột sống và rau xanh, bổ sung thêm một 1/3 protein trong khẩu phần ăn hàng ngày từ cua, ốc, hến, cá băm nhỏ.

Từ ngày thứ 15 có thể cho vịt con siêu thị làm quen với thóc luộc chín đã bung nở hạt gạo bên trong. Cho ăn liên tục như vậy trong 3 ngày đến ngày thứ 20 thì bỏ gạo ngô và cho ăn thóc hoàn toàn.

Ngày tuổi	Cách trộn	Lượng thức ăn/ con/ ngày (g)	Số bữa trong ngày
11 – 14	20g thóc luộc + 10g cơm + 6g môi tươi + 4g đậu xanh + 10g rau bèo thái nhỏ	50	4
15 – 21	50g thóc sống + 16g môi tươi + 8g đậu xanh + 8g rau, bèo thái	82	4

Thời gian từ 15 – 18 ngày tuổi có thể tiêm vaccin viêm gan lần 2, vaccin cúm gia cầm lần 1.

**Yêu cầu chung khi úm vịt con:**

Nhiệt độ và ánh sáng cho chuồng vịt:

Ngày tuổi	Thời gian chiếu sáng trong ngày	Nhiệt độ trong chuồng nuôi
1 – 3	24h	Sử dụng 200W cho 75 vịt 28 – 32 độ C

<p>5 – 10</p>	<p>Chiếu sáng cho đàn vịt con khi vịt được nhốt trong chuồng nuôi</p>	<p>con và 140 vịt con cho 1m<sup>2</sup> chụp sưởi 1 – 10 ngày tuổi 3w/m<sup>2</sup> (1 bóng đèn 75w cho 25m<sup>2</sup> chuồng).</p>	<p>20 – 27 độ C</p>
<p>11 – 21</p>	<p>Sử dụng ánh sáng tự nhiên, vào ban đêm sử dụng 1 bóng đèn 75w cho 25m<sup>2</sup> cho chuồng nuôi</p>	<p>Nhiệt độ tự nhiên</p>	

Độ ẩm chuồng nuôi trong thời gian nuôi úm vịt con thích hợp nhất nên duy trì là từ 60 – 70%.



### Úm vịt con

Nhu cầu về nước uống trong thời gian nuôi úm: Nước uống không được quá lạnh dưới 10 độ C và cũng không quá nóng trên 20 độ C. Phải đảm bảo cung cấp đủ lượng nước theo ngày tuổi cho đàn vịt con siêu thịt, đặc biệt là mùa hè:

Ngày tuổi	Nhu cầu nước uống (ml/ con/ ngày)
1 – 7	120
8 – 14	250
15 – 21	350

Kỹ thuật nuôi vịt siêu thịt nhanh lớn từ 22 ngày tuổi trở lên

#### Mật độ nuôi

Mật độ nuôi vịt siêu thịt sẽ thay đổi theo độ tuổi của đàn vịt. Đây cũng là căn cứ quan trọng để xây dựng chuồng nuôi:

- Tuần thứ ba: Nuôi với mật độ 6 – 7 con/m<sup>2</sup>.
- Từ tuần thứ 4 đến khi xuất bán: nuôi với mật độ 4 con/m<sup>2</sup>.

#### Nước uống

Nước uống là một trong những yếu tố quyết định đến sự phát triển của đàn vịt nuôi, do đó, chúng phải được cung cấp đủ nước suốt ngày, suốt đêm. Ngoài ra, vịt siêu thịt sẽ không thể ăn thức ăn nếu không có nước uống bên cạnh. Nhu cầu nước uống của vịt từ 22 – 56 ngày tuổi: 500ml/con/ngày.

#### Nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn

Cũng như nhiều loại gia cầm khác, thức ăn của vịt siêu thịt khá đa dạng. Giai đoạn chăn nuôi vịt siêu thịt, cần bổ sung đủ thức ăn, phối trộn theo công thức hợp lý để đàn vịt nhanh lớn nhưng vẫn đảm bảo thịt vịt không bị nhũn, mềm.



*Thức ăn cho vịt cần phối trộn theo công thức phù hợp*

Có thể chia thức ăn của vịt thành các nhóm: thức ăn cung cấp năng lượng, thức ăn cung cấp protein, thức ăn khoáng, thức ăn vitamin.

Nhóm thức ăn cung cấp năng lượng: bao gồm các loại hạt ngũ cốc các loại hạt thóc, ngô, kê, cao lương và phụ phẩm của chúng. Nhóm thức ăn này cung cấp khoảng 12% protein thô, dưới 18% chất xơ, từ 2 – 5% chất béo. Ngoài ra còn có rau xanh, rau bèo. Thức ăn năng lượng chiếm khoảng 70% khẩu phần ăn của đàn vịt.

Nhóm thức ăn protein: Các loại khô đậu tương, đỗ xanh, lạc, bột cá, bột tôm, bột thịt, cua, ốc, giun, dế, tôm, tép... Thức ăn Protein chiếm khoảng 30% trong khẩu phần ăn hàng ngày của đàn vịt.

Nhóm thức ăn khoáng và vitamin gồm: các phức hợp muối có chứa canxi, photpho, muối amoni, muối ăn, một số muối khoáng vi lượng, đá vôi, bột vỏ sò, vỏ trứng, bột xương, các loại vitamin A, D, E, K, B1, B2, B12, kháng sinh phòng bệnh và chất chống oxy hóa.

*Cụ thể nhu cầu dinh dưỡng của vịt siêu thị cần phải đảm bảo:*

<b>Thành phần dinh dưỡng</b>	<b>Tỉ lệ</b>	<b>Đơn vị</b>
Năng lượng trao đổi	3100	Kcal/kg
Protein thô	17	%
Metionin	0,35	%
Methionine + Xistin	0,6	%
Lizin	0,2	%
Acginin	1	%
Triptophan	0,2	%
Canxi	0,6	%

<b>Thành phần dinh dưỡng</b>	<b>Tỉ lệ</b>	<b>Đơn vị</b>
Photpho	0,35	%
Kẽm	0,05	%
Mangan	0,5	%
Vitamin A	3000	IU/kg
Vitamin D	400	ICU/kg
Vitamin E	5	IU/kg
Vitamin K	1	mg/kg

Áp dụng công thức phối trộn thức ăn hợp lý giúp cung cấp đủ dinh dưỡng nhất cho đàn vật nuôi. Thức ăn sau khi phối trộn có thể cho đàn vịt ăn ngay. Tuy nhiên, trong kỹ thuật nuôi vịt siêu thịt cho năng suất cao, nhiều hộ dân đã hướng tới sử dụng máy ép cám viên để ép nguồn thức ăn đã phối trộn thành cám viên nhỏ.

Ưu điểm của cám viên tự sản xuất là đầy đủ dinh dưỡng, viên cám chắc chắn, không bị vỡ, chất lượng tương đương với cám viên công nghiệp kích thích đàn vịt ăn nhiều, không lãng phí, tiêu hóa tốt, nhanh lớn. Đồng thời nguồn cám viên tự chế này sẽ giúp tiết kiệm tối đa chi phí mua thức ăn cho vịt siêu thịt bên



ngoài thị trường, chưa kể đến nguồn cám có thể bị trộn lẫn các chất cám, chất độc hại làm ảnh hưởng đến khả năng suất bán và sức khỏe của đàn vịt.

## 2.6. Kỹ thuật nuôi vịt siêu trứng

### 2.6.1. Nuôi vịt con giống vịt siêu trứng

**Chọn giống:** Chọn vịt mới nở, rón khô, lông mượt, mỏ no bóng, nhanh nhẹn, loại những con bị dị tật, hở rốn, khô chân, khèo chân, nặng bụng, thiếu dinh dưỡng do ấp nở.

**Chuẩn bị chuồng nuôi:** Dọn sạch tẩy uế chuồng, sát trùng nền và tường, trần bằng thuốc sát trùng con cò 2% hoặc Formol 2% hoặc Cresyl 5%, chất độn chuồng (rơm, trấu phải khử trùng bằng Fomlol 12% và có chiều dày tối thiểu 5cm lúc ban đầu).

Bố trí máng ăn, máng uống riêng, chỗ vịt nghỉ ngơi khô ráo. Có nơi vịt tập lội nước rửa lông. Sưởi ấm chuồng trước khi đưa vịt vào úm.

Chuồng trại: Chuồng úm phải thoáng mát, về mùa đông kín gió. tránh gió lùa mưa tạt. Sân chơi có mái che nắng, mưa. Nên có bể tắm cho vịt con, bể xây kích thước 2 x 3m, sâu 0,2 – 0,3m cho 200 con vịt 3 tuần tuổi. Nếu không đào ao, có thể cho vịt tắm trong chậu hoặc trong tắm mũ cao su chứa nước làm bể tắm cho vịt.

Trong tuần đầu, úm lồng để giữ ấm cho vịt, tránh chó, mèo, chuột ăn. Lồng úm đóng bằng tre, khung gỗ kích thước 2 x 1 x 0,5 m, nắp đậy. Đáy và nắp lồng làm bằng lưới sắt. Tránh gió lùa và giữ nhiệt độ ấm cho vịt, trong những tuần đầu.

Nếu không có điều kiện úm lồng, có thể úm trên nền. Nền chuồng lót bằng trấu hoặc rơm khô sạch, lồng úm quây bằng bồ tre, máng ăn, máng uống được bố trí đều. Thường xuyên thay lót chuồng để cho vịt được ấm chân, sạch sẽ và khô lông trong tuần đầu.

Nhiệt độ chuồng nuôi: Dùng bóng đèn điện 75W sưởi ấm và thấp sáng, 2 bóng/lồng úm. Nhiệt độ 1 – 3 ngày đầu là 33 – 34°C. Sau đó đến ngày thứ 10 – 14 thì không cần sưởi ấm nữa.

Âm độ không khí: Âm độ thích hợp 60 -70%, nếu cao rất nguy hiểm cho vịt con, chất độn chuồng phải khô để cho vịt giữ ấm chân và sạch lông.

Mật độ và độ lớn của đàn:

Giai đoạn tuổi	Hình thức nuôi	Mật độ m <sup>2</sup>
1 – 10 ngày tuổi	Chuồng không sân chơi	32 con
11 – 21 ngày tuổi	Nên có sân chơi	18 con
22- 56 ngày tuổi	Nên có sân chơi	6 con

Chế độ chiếu sáng: Trong tuần thứ nhất đến tuần thứ hai chiếu sáng 24/24, sau đó là 18/24.

Cường độ ánh sáng cho vịt trong giai đoạn này: 1 – 10 ngày tuổi 2 W/m<sup>2</sup> (bóng tròn). Trên 10 ngày 0,50 W/m<sup>2</sup> (bóng dài), ban ngày dùng ánh sáng tự nhiên. Những nơi không có điện thấp sáng, thì phải dùng đèn dầu thấp sáng để cho vịt ăn uống đi lại, tránh đê chông lên nhau.

Thức ăn: Ngày đầu tiên nên cho vịt con ăn cơm, gạo lức hoặc tấm ngâm. Không nên cho vịt ăn môi hoặc thức ăn công nghiệp vì trong bụng vịt có một khối lòng đỏ là nguồn cung cấp chất đạm cho vịt nếu ăn môi ngay vịt bị ỉa chảy, do men tiêu hóa đạm của vịt chưa hoàn thiện. Từ ngày thứ 2 thức ăn cho vịt phải đảm bảo 22% Protein thô và năng lượng 2890 Kcal/kg thức ăn.

Nhu cầu dinh dưỡng như sau:

Thành phần dinh dưỡng	Giống vịt	
	CV – 2000	Khali Campbel
Protein thô	22	22

Năng lượng trao đổi	1890	2890
---------------------	------	------

Trong 5 ngày đầu cho vịt con ăn 4 lần/ngày, 5 ngày kế tiếp cho ăn 3 lần/ngày, sau đó 2 lần/ ngày. Nên cho ăn nhiều bữa trong ngày, đồ thức ăn mỗi lần lặt ít, để không bị thiu thối, vịt ăn được ăn nhiều.

Sử dụng thức ăn viên úm vịt con là tốt nhất. Từ ngày thứ 4 cho vịt con ăn rau xanh, rau muống thái nhỏ, bèo tấm, lượng rau xanh bằng 20% thức ăn.

**Nước uống:** Nước uống phải được sạch sẽ, đầy đủ cả ngày lẫn đêm. Trong 3 tuần đầu pha Vitanim B – Complex cho vịt uống để tăng sức đề kháng.

**Tắm cho vịt:** Vịt con mới nở chưa khô rốn, dễ nhiễm trùng, vì thế 3 ngày đầu không nên tắm vịt. Từ ngày thứ 3 tập dần xuống bể tắm, ao hoặc vào chậu, sau đó thời gian tắm tăng dần. Ngày thứ 10 cho vịt tắm tự do.

### 2.6.2. Vịt hậu bị (Từ 9 tuần tuổi đến trước khi rút hộ)

Từ 8 tuần tuổi trở đi vịt chuyển sang giai đoạn hậu bị, do đó nên giảm chế độ cho ăn để không chế khối lượng vịt.

**Chuồng nuôi:** Đối với vịt hậu bị, nếu nuôi nhốt chuồng phải thoáng mát, có sân chơi (mùa nắng, nóng chuồng phải có mái che) có ao tắm, nên chia chuồng thành thiều lô nhỏ, mỗi lô nhỏ 100 -150 con/đàn để quản lý, chăm sóc và dễ nuôi dưỡng. Nếu nuôi chăn thả, sáng sớm cho vịt ăn uống đầy đủ, trời nắng ráo mới chăn thả, chiều lùa về cho ăn uống đầy đủ rồi mới nhốt vào chuồng.

Thức ăn: Chuyển đổi dần từ thức ăn vịt con sang thức ăn vịt hậu bị, đảm bảo 15,5% Protein thô và năng lượng là 2890 Kalo.

Thành phần dinh dưỡng	Giống vịt	
	CV – 2000	Khali Campbel
Protein thô	15.5	14.5
Năng lượng trao đổi	1890	2850

**Không chế trọng lượng:** Không chế trọng lượng là yếu tố quan trọng để sau này vịt đẻ tốt.

Yêu cầu trọng lượng vịt như sau (con mái).

4 tuần	500gr
6 tuần	900gr
8 tuần	1150gr
10 tuần	1250gr
12 tuần	1300gr
14 tuần	1400gr
16 tuần	1500gr
18 tuần	1500gr
20 tuần	1600gr

Cách kiểm tra: Vào thời điểm trên cân ngẫu nhiên 20 con vịt mái vào buổi sáng lúc đói, khô lông, lấy trọng lượng trung bình. Nếu vịt có trọng lượng lớn hoặc nhỏ ta điều chỉnh thức ăn để cho đạt trọng lượng như trên.

**Ánh sáng:** Sử dụng ánh sáng tự nhiên.

**Nước uống:** Cần cho vịt uống đầy đủ nước mát sạch cả ngày, đặc biệt lúc chuẩn bị chẵn thả và lúc lùa vịt vào chuồng.

### 2.6.3. Giai đoạn vịt đẻ

Gian đoạn vịt đẻ là thời điểm rất quan trọng trong **kỹ thuật nuôi vịt đẻ siêu trứng**. Cần đảm bảo các yếu tố được tối ưu nhất.

**Ánh sáng:** Cần đảm bảo ánh sáng khoảng 17 tiếng chiếu sáng trong ngày bằng bóng đèn cường độ 5W/1 m<sup>2</sup> chuồng. Vào ban đêm cần tắt sáng từ tối đến khoảng 11 – 12 giờ.

**Thức ăn:** Khi vịt rớt hột đầu tiên, cần tăng thức ăn lên 5 – 10%, khi vịt đẻ rộ cho ăn tự do. Sử dụng thức ăn Protien 19,5%, năng lượng 2.700 Kalo.

**Nước uống:** Đảm bảo nước uống đầy đủ, sạch sẽ, cho cả ngày và đêm.

**Phương thức chẵn thả:** Cách chăm sóc vịt đẻ cần chú ý một số điểm sau:

**Giai đoạn gột vịt (3 tuần đầu):** Ngoài thức ăn viên, tập cho ăn thêm lúa nấu, sau đó chuyển dần lúa ngâm, 3 tuần sau vịt có khả năng tự kiếm mồi và từ đó vịt quen dần điều kiện chăn thả.

Thường xuyên kiểm tra trọng lượng của vịt, nếu vịt có trọng lượng lớn hơn yêu cầu, ta giảm thời gian chăn thả hoặc giảm lượng thức ăn bổ sung. Nếu vịt có trọng lượng nhỏ hơn qui định thì tăng cường thức ăn.

**Giai đoạn vịt đẻ:** Thức ăn chủ yếu giai đoạn này của vịt vẫn là thức ăn tự kiếm. Để đàn vịt đẻ được tốt cần cho vịt ăn thêm thức ăn công nghiệp dành cho vịt đẻ, hoặc nguồn thức ăn địa phương như: lúa, còng, đầu tôm...

*Chú ý:* Những vùng nước lợ, nước phèn, nước mặn... cho vịt uống nước sạch đầy đủ trước khi chăn thả.

#### **2.6.4. Phòng ngừa bệnh trong kỹ thuật nuôi vịt để siêu trứng**

Cần hết sức lưu ý phòng ngừa bệnh cho đàn vịt của mình.

- Ngày 1 – 2 : Phòng ngừa stress cho vịt bằng hỗn hợp Vitanim và kháng sinh.
- Ngày 7 – 9 : Phòng ngừa bệnh đường ruột bằng kháng sinh tổng hợp
- Ngày 18 -21 : Ngừa vaccin dịch tả vịt.
- 4 tháng tuổi chích vaccin dịch tả vịt lần 2.

Định kỳ hàng tháng hoặc khi thời tiết thay đổi cho vịt uống thêm vitamin C và các kháng sinh tổng hợp ngừa bệnh đường hô hấp hoặc tiêu hóa. Trước và sau khi vận chuyển, chích ngừa, thàng rớt hột nên cho vịt uống vitamin và kháng sinh tổng hợp.

### **2.7. KT - Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học**

#### **2.7.1. Nuôi bò theo công nghệ: Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học**

##### **Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học**

Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học là một hình thức nuôi nhốt gia súc, gia cầm trên một nền đệm lót được làm bằng nguyên liệu có độ tro cao (không bị nước làm nhũn nát như: trấu, mùn cưa, phoi bào, rơm, rạ...) trộn với một hệ vi sinh vật (men vi sinh) để phân hủy phân, nước tiểu giảm khí độc và mùi hôi chuồng nuôi tạo môi trường trong sạch không ô nhiễm. Phương thức chăn nuôi này hiện đang được khuyến khích phát triển, được coi là hướng đi bền vững của ngành chăn nuôi ở Việt Nam.

Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học tại Việt Nam có nhiều tên gọi khác nhau, như: chăn nuôi không chất thải, chăn nuôi tự nhiên, chăn nuôi sinh thái, chăn nuôi trên đệm lót dày...

### ***Thành phần lớp đệm lót***

Thành phần lớp đệm lót gồm 2 phần chính: Chất đệm chuồng, bao gồm nguyên liệu có độ tro cao như trấu, mùn cưa của các loại gỗ cứng, vỏ lạc, lõi ngô, thân cây ngô, bã mía...; và chế phẩm sinh học và bột ngũ cốc (ngô, cám gạo...).



*Mùn cưa*



*Vỏ trấu*

### ***Vai trò của hệ vi sinh vật***

#### ***Tiêu hủy phân, nước tiểu***

Một số vi sinh vật trong lớp đệm lót có khả năng tiêu hủy chất thải chăn nuôi. Khi vật nuôi thải phân và nước tiểu vào lớp đệm lót, các vi sinh vật bám quanh, tiết enzyme ngoại bào để phân giải bằng quá trình oxy hóa và lên men hiếu khí. Quá trình lên men làm cho các thành phần hydratcacbon, các hợp chất chứa

cacbon bị oxy hóa giải phóng năng lượng, CO<sub>2</sub>, nước, một lượng nhỏ hợp chất hữu cơ khác như axit hữu cơ, rượu, aldehyd, ester...

### *Khử mùi*

Mùi trong quá trình chăn nuôi sinh ra chủ yếu là quá trình lên men chất thải (ở trong ruột già và ngoài môi trường) của vi sinh vật thối rữa gây ra. Một số vi sinh vật trong chất độn chuồng sử dụng các khí độc làm nguồn dinh dưỡng cho quá trình sinh trưởng và phát triển của mình. Hệ vi sinh vật trong độn lót với ưu thế về số đông sẽ ức chế và diệt các vi sinh vật gây thối theo hình thức cạnh tranh: lên men triệt để các chất hữu cơ giải phóng năng lượng tạo các sản phẩm CO<sub>2</sub>, nước... không có mùi. Bên cạnh đó, một số sản phẩm phụ của quá trình lên men có tác dụng khử mùi như axit hữu cơ giúp trung hòa và cố định NH<sub>3</sub>, rượu giúp trung hòa mùi lạ... Nhờ vậy, mùi hôi trong chuồng nuôi được giảm thiểu.

### *Bảo vệ và cung cấp dinh dưỡng*

Hệ vi sinh vật trong chuồng nuôi luôn giúp duy trì cân bằng hệ sinh thái theo hướng có lợi cho vật nuôi, luôn đảm bảo đủ số lượng một mặt phân giải chất thải, mặt khác ức chế vi sinh vật gây bệnh hoặc có hại bảo vệ đàn vật nuôi.

Phần lớn vi sinh vật gây hại cho vật nuôi, virus không thích ứng với môi trường đệm lót và bị tiêu diệt là vì: vi sinh vật của đệm lót lên men tạo môi trường đệm lót là môi trường axit, pH thấp; giàu khí CO<sub>2</sub>; nhiệt độ cao; đồng thời vi sinh vật có lợi phát triển nhanh áp đảo về số lượng.

Các vi sinh vật trong độn lót đồng hóa chất hữu cơ từ chất thải của vật nuôi tạo thành protein của chính vi sinh vật, nguồn protein này được vật nuôi sử dụng một phần.

### ***Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học trong chăn nuôi lợn***

#### *Đối tượng lợn*

Chăn nuôi các giống lợn thuần, lợn lai, lợn siêu nạc, lợn rừng. Mật độ nuôi phù hợp là 1,5-2 m<sup>2</sup>/con.

#### *Chuồng nuôi*

Nền chuồng được bố trí làm hai phần, phần bệ bê tông và phần đệm lót. Đáy chuồng nên làm nổi trên mặt đất, trên mực nước cao nhất nhằm tránh nước

bên ngoài ngấm hoặc tràn vào làm hỏng đệm lót. Phần bê tông: ở phía trước cửa của chuồng, rộng 2 m (gồm cả phần đặt máng ăn rộng 20 cm), cao 0,6 m so với đáy chuồng; dài bằng toàn bộ chiều dài chuồng. Phần đệm lót: đáy làm bằng đất nện chặt hoặc nền bê tông (nếu là nền bê tông phải đục các lỗ có đường kính 4 cm, các lỗ cách nhau 0,3 m); độ cao của đệm lót (độ cao đáy) 0,6 m; xung quanh đáy chuồng xây bằng gạch, xi măng.

Mái chuồng được làm bằng proximăng hoặc tôn, nên có trần chống nóng. Đỉnh mái cao so với đáy chuồng 3,4 – 3,6 m; điểm thấp nhất của mái ở hai bên chuồng nuôi cao so với đáy chuồng 2,7 – 2,9 m. Phần mái phía sau chuồng nuôi đưa ra 0,3 – 0,4 m; phía trước chuồng nuôi đưa ra 1,2 – 1,4 m để che toàn bộ phần hành lang chuồng nuôi.

### **Chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học trong chăn nuôi bò**

Đệm lót sinh học cho bò được làm bằng các nguyên liệu bao gồm: trấu, mùn cưa, vỏ lạc, xơ dừa, lõi ngô... có độ dày từ 30 - 40 cm; sử dụng chế phẩm EM phun đều lên nguyên liệu; đậy kín mặt bằng bằng bạt hoặc ny lon trong 1 tuần để đệm lót lên men vi sinh. Chi phí làm đệm lót sinh học khoảng 120.000 đồng/m<sup>2</sup>, sau 3 tháng sử dụng có thể bổ sung thêm giá thể (nguyên liệu trấu, mùn cưa, xơ dừa...). Sau 6 tháng sử dụng có thể thay thế nền đệm lót, người chăn nuôi có thể tận dụng đệm lót đã sử dụng này làm phân bón cho cây trồng.





*Đàn bò sinh sản luôn khỏe mạnh khi được nuôi trên nền đệm lót sinh học*

Chăn nuôi bò theo mô hình ứng dụng đệm lót sinh học tiết kiệm được nước, thuốc thú y cũng như nguồn nhân lực bởi người chăn nuôi gần như không phải sử dụng đến thuốc thú y, không cần dùng nước để rửa chuồng. Nước chỉ dùng để phun tạo độ ẩm nền chuồng giúp chuồng nuôi không còn mùi hôi. Sau mỗi ngày lao động của trang trại chỉ cần 1 - 2 giờ để san, đảo đều phân trên bề mặt đệm lót giúp sạch mùi hôi, chuồng trại khô ráo. Bên cạnh đó, ruồi muỗi ve ký sinh trên bò và ở trong chuồng trại đã giảm được rất nhiều.

Đệm lót sinh học chứa các vi sinh vật có lợi luôn hoạt động và sinh nhiệt giúp ức chế, tiêu diệt vi khuẩn có hại, làm ấm cho bò giúp tăng khả năng kháng bệnh cho bò. Việc sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi bò sẽ giảm được mùi hôi, đảm bảo an toàn dịch bệnh; làm ấm phần chân, bụng cho bò giúp bò tiêu hóa tốt, giảm đáng kể tình trạng chướng bụng, bệnh lở mồm long móng, giúp người chăn nuôi hạn chế việc sử dụng thuốc thú y. Đặc biệt, sử dụng đệm lót sinh học

cho bò sinh sản sẽ xử lý dứt điểm tình trạng bò mẹ mang thai, bê con bị ngã do trơn trượt.

### ***Kỹ thuật làm đệm lót sinh học gia cầm***

- Chuẩn bị chuồng trại: Nếu có chuồng trại đang chăn nuôi thì nên sử dụng ngay, không cần phải cải tạo. Nếu làm chuồng mới thì nền chuồng có thể không cần lát gạch hoặc láng xi măng (nền chuồng đất nện chặt) để giảm thấp chi phí xây dựng.

- Tùy điều kiện về đất đai, kinh tế, quy mô và hình thức nuôi mà xây dựng chuồng trại cho phù hợp.

*Phương pháp làm đệm lót với nguyên liệu là trấu:*

- Đối tượng áp dụng: Sử dụng cho chuồng nuôi gia súc, gia cầm.

- Tùy diện tích chuồng nuôi và loại chế phẩm sử dụng mà tính toán và chuẩn bị các vật liệu phù hợp. Ví dụ: 01 kg chế phẩm MALASA 01 sử dụng được cho từ 30 - 50 m<sup>2</sup> nền chuồng hoặc 01 kg chế phẩm MAX 250 sử dụng được cho 25 - 30 m<sup>2</sup> nền chuồng nuôi...

- Cách trộn chế phẩm ủ:

+ Cách trộn: Cứ 01 kg chế phẩm trộn đều với 05 kg bột ngô (bắp) hoặc cám gạo hoặc vừa ngô vừa cám gạo tỷ lệ tùy thuộc điều kiện của từng hộ. Sau đó cho thêm 2,5 đến 3 lít nước sạch, đảo cho ảm đều, cho vào túi hoặc thùng, chậu... rồi để vào nơi râm mát (đối với mùa hè) hoặc để vào chỗ ảm (đối với mùa đông) ủ trong 2 đến 3 ngày.

+ Cần phải làm chế phẩm trước khi đem sử dụng 2 - 3 ngày: Đối với nuôi gà thịt (gà to) khi rải trấu vào chuồng nuôi thì đồng thời tiến hành ủ chế phẩm men. Đối với nuôi gà úm (gà con) sau khi rải trấu khoảng 1 tuần thì mới tiến hành ủ chế phẩm men.

- Các bước làm đệm lót sinh học từ trấu:

+ Bước 1: Rải trấu lên toàn bộ nền chuồng dày khoảng 10 cm, sau đó thả gà vào.

+ Bước 2: Sau 7 - 10 ngày đối với gà nuôi úm, 2 - 3 ngày đối với gà nuôi thịt, quan sát trên bề mặt chuồng khi nào thấy phân rải kín, dùng tay (có đeo găng tay) hoặc cào đảo nhẹ lớp mặt đệm lót sâu từ 1 - 3 cm. Chú ý đối với nuôi nhốt hoàn toàn cần quây gọn gà về 1 góc để tránh gây xáo trộn đàn gà.

+ Bước 3: Sau khi đảo lớp mặt xong thì rắc đều chế phẩm đã được ủ lên toàn bộ bề mặt chất đệm ở chuồng nuôi, dùng tay, cào hoặc chổi cứng... xoa nhẹ trên bề mặt đệm lót để men được phân tán đều khắp trên bề mặt lớp đệm.

\* Trường hợp sử dụng luôn chuồng úm gà để nuôi tiếp: Khi gà đạt được 3 - 4 tuần tuổi, sau khi cào cho tơi trên mặt đệm lót, rắc đều chế phẩm đã được ủ lên toàn bộ bề mặt, sau đó dùng tay hoặc cào xoa trên mặt để men được phân tán đều khắp là được.

*Phương pháp làm đệm lót với nguyên liệu là mùn cưa hoặc kết hợp với trấu:*

- Đối tượng áp dụng: Do mùn cưa có khả năng hút ẩm tốt nên chất độn mùn cưa hoặc kết hợp với trấu thường áp dụng để nuôi vịt, ngan, thỏ (do phân của các loại vật nuôi này có nhiều nước) hoặc gà đẻ (thời gian nuôi dài).

- Thực hiện làm đệm lót cho 30 - 50 m<sup>2</sup> nền chuồng theo các bước sau:

+ Bước 1: Rải lớp mùn cưa dày 15cm lên nền chuồng (nếu kết hợp dùng trấu thì đầu tiên rải 8 cm trấu, sau đó rải tiếp 7 cm mùn cưa). Sau đó mới thả gà vào nuôi.

Nếu mùn cưa quá khô, có thể phun, tưới nước sạch đều lên trên lớp mùn cưa sao cho mùn cưa có độ ẩm 20% rồi trộn đều (dùng tay bốc một nắm mùn cưa, quan sát thấy hạt mùn cưa bị thấm ẩm nhưng vẫn tơi ròi là được hoặc dùng tay bóp chặt nắm cưa rồi xòả ngửa bàn tay ra nếu thấy nắm cưa vỡ ra là đạt độ ẩm thích hợp, nếu nắm cưa không vỡ mà thành cục thì quá ẩm).

+ Bước 2 và bước 3: Làm tương tự như phương pháp làm đệm lót với nguyên liệu là trấu.

*Sử dụng và bảo dưỡng:*

- Cứ sau 2 - 3 ngày tiến hành cào trên bề mặt đệm lót một lần để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân được phân hủy nhanh hơn. Thời gian dài ngắn tùy thuộc vào mặt đệm lót bị nén chặt hay không và lượng phân gà nhiều hay ít. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền chuồng.

- Luôn giữ cho nền đệm lót khô để phân hủy phân tốt:

+ Có các biện pháp tránh để bị nước mưa hắt vào làm ướt đệm lót.

+ Khi nuôi trên nền đệm lót cần phải để ý khu vực máng uống, nếu thấy nước rớt làm ướt đệm lót thì phải thay ngay bằng lớp trấu mới.

+ Nuôi vịt, ngan cần chú ý không để vịt, ngan sau khi bơi ở ao, hồ lên vào chuồng ngay làm ướt lớp đệm lót.

+ Khi phát hiện đệm lót có mùi hăng hắc hoặc mùi khai và thối là do đệm lót ướt quá hoặc đệm lót bị nén không tơi xốp hoặc men kém hoạt động... làm phân không được phân hủy tốt, cần có cách xử lý phù hợp với đệm lót, để chuồng thông thoáng, mùa nóng có thể dùng quạt gió, sau đó bổ sung chế phẩm đã ủ như ở phần trên. Đối với hình thức bán nuôi nhốt khi xử lý, bảo dưỡng đệm lót nên tiến hành lúc gà không có trong chuồng, nếu nuôi nhốt hoàn toàn cần làm vào buổi chiều mát (vào mùa hè) để ít ảnh hưởng đến đàn gà.

- Do nhiệt độ ở đệm lót luôn nóng ẩm nên khi úm gà chỉ cần quây kín ở dưới khoảng trên dưới 50 cm còn phía trên để thoáng, nếu thấp đèn thì cần phải treo cao, đặc biệt trong mùa nóng.

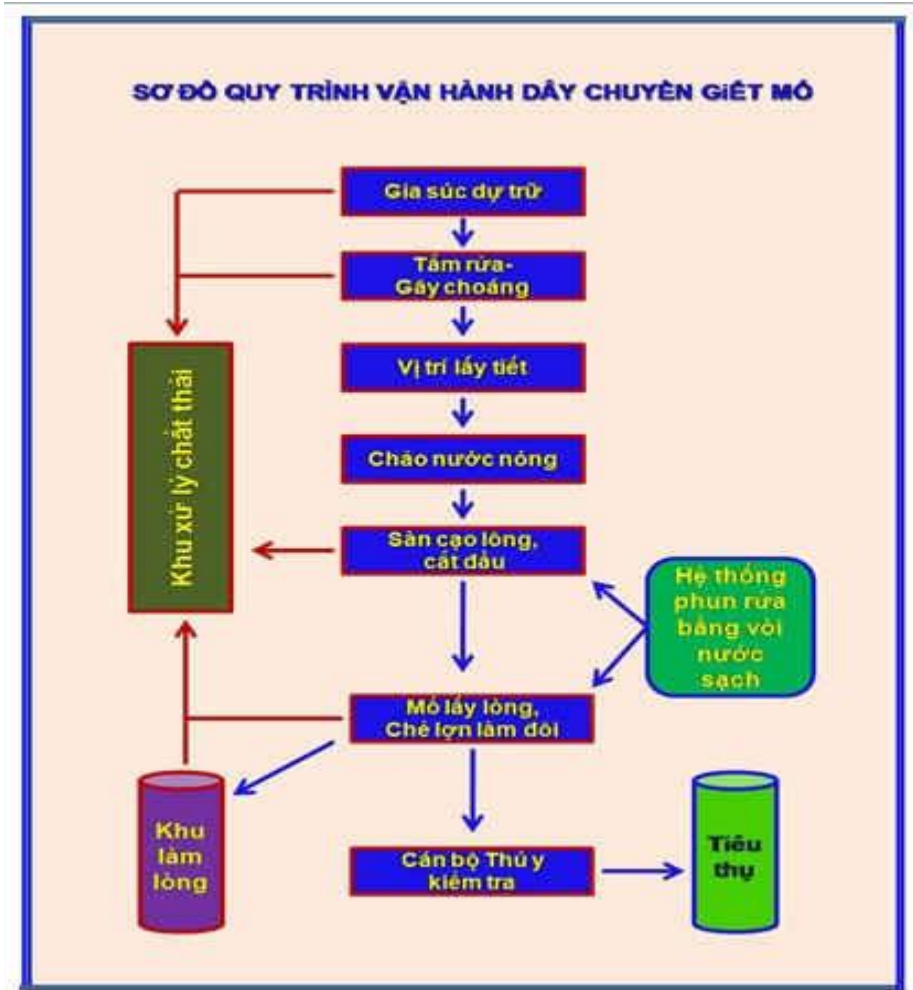
- Thời gian sử dụng: Đệm lót nền chuồng được xử lý và bảo dưỡng tốt có thời gian sử dụng từ 6 đến 12 tháng, thời gian sử dụng dài hay ngắn phụ thuộc vào các yếu tố như: Nguyên liệu dùng làm đệm lót; Độ dày đệm lót có đủ dày hay

không, nếu quá mỏng thì thời gian sử dụng ngắn hơn so với chất độn dày; Chế độ xử lý, bảo dưỡng.

## 2.8. Quy trình giết mổ gia súc tại chỗ

Gia súc được nhập vào cơ sở giết mổ nuôi nhốt tại chuồng dự trữ. Trước khi giết mổ, gia súc được dẫn đến chuồng tắm bằng các vòi phun nước tự động. Sau đó, gia súc được dẫn đến khung gậy choáng bằng chích điện. Tiếp theo, gia súc được palan thứ nhất đưa đến chỗ lấy huyết - chảo trưng lông - sàn Inox làm sạch lông, dùng nước phun rửa gia súc thật sạch, cắt đầu.

Tiếp đó, gia súc được treo vào một palan thứ hai (móc hai chân của gia súc vào hai móc Inox), palan thứ 2 nâng gia súc lên treo vào hai ống dẫn truyền để mổ tách lòng, chẻ gia súc làm đôi. Cuối cùng, cán bộ thú y kiểm tra đóng dấu Kiểm soát giết mổ. Thịt gia súc được chuyển đến các bàn pha lóc hoặc vận chuyển đưa đi các chợ tiêu thụ.



### Quy trình vận hành dây chuyền giết mổ

Khi gia súc được đưa vào giết mổ này thì sẽ được tắm rửa trước, trong và sau khi giết mổ bằng hệ thống vòi nước tự động và vòi xịt bằng tay; không mức nước trực tiếp vào bể chứa làm giảm nguy cơ nhiễm vi sinh vật và chất bẩn vào thịt do công nhân trực tiếp dùng xô chậu mức nước trực tiếp ở bể chứa. Gia súc được gây choáng trước khi lấy tiết, làm cho gia súc không bị stress dẫn đến giảm chất lượng thịt. Đồng thời, tiếng ồn giảm rất nhiều do quá trình cố định chọc tiết khi gia súc đang sống nên có tính nhân đạo cao.

## CHƯƠNG IV. CÁC PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN

### I. PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

#### 1.1. Chuẩn bị mặt bằng

Chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai theo quy định hiện hành. Ngoài ra, dự án cam kết thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của các cơ quan ban ngành và luật định.

#### 1.2. Phương án tái định cư

Khu vực lập Dự án không có dân cư sinh sống nên không thực hiện việc tái định cư.

#### 1.3. Phương án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Dự án chỉ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng liên quan đến dự án như đường giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông nội bộ trong khu vực.

#### 1.4. Các phương án xây dựng công trình

*Bảng tổng hợp danh mục các công trình xây dựng và thiết bị*

TT	Nội dung	Diện tích	ĐVT
<b>I</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>50.000</b>	<b>m<sup>2</sup></b>
1	Trang trại chăn nuôi heo thịt	6.000	m <sup>2</sup>
2	Trang trại chăn nuôi heo nái	1.500	m <sup>2</sup>
3	Trang trại gia cầm (gà, vịt)	5.000	m <sup>2</sup>
4	Trang trại nuôi gia cầm lấy trứng (gà, vịt)	2.000	m <sup>2</sup>
5	Trang trại chăn nuôi bò	500	m <sup>2</sup>
6	Sân chơi gia súc	2.000	m <sup>2</sup>
7	Nhà điều hành	150	m <sup>2</sup>
8	Nhà kho	1.000	m <sup>2</sup>
9	Nhà bảo quản lạnh, mát	200	m <sup>2</sup>

TT	Nội dung	Diện tích	ĐVT
10	Nhà ăn công nhân	600	m <sup>2</sup>
11	Nhà để xe	300	m
12	Nhà bảo vệ	32	m <sup>2</sup>
13	Khu xử lý nước thải chăn nuôi	200	m <sup>2</sup>
14	Đường giao thông nội bộ	7.500	m <sup>2</sup>
15	Khuôn viên, sân bãi	23.018	m <sup>2</sup>
	<b><i>Hệ thống tổng thể</i></b>		
-	Hệ thống cấp nước		Hệ thống
-	Hệ thống cấp điện tổng thể		Hệ thống
-	Hệ thống xử lý, thoát nước tổng thể		Hệ thống
-	Hệ thống PCCC		Hệ thống
<b>II</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Thiết bị văn phòng		Trọn Bộ
2	Hệ thống sơ chế, giết mổ tại chỗ		Trọn Bộ
3	Hệ thống chế biến thực phẩm		Trọn Bộ
4	Thiết bị đóng gói thực phẩm		Trọn Bộ
5	Thiết bị kho đông lạnh, kho mát		Trọn Bộ
6	Thiết bị vận chuyển phân phối	2	Chiếc
7	Thiết bị khác		Trọn Bộ

Các danh mục xây dựng công trình phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định về thiết kế xây dựng. Chi tiết được thể hiện trong giai đoạn thiết kế cơ sở xin phép xây dựng.

### 1.5. Các phương án kiến trúc

Căn cứ vào nhiệm vụ các hạng mục xây dựng và yêu cầu thực tế để thiết kế kiến trúc đối với các hạng mục xây dựng. Chi tiết sẽ được thể hiện trong giai đoạn lập dự án khả thi và Bản vẽ thiết kế cơ sở của dự án. Cụ thể các nội dung như:

#### 1. Phương án tổ chức tổng mặt bằng.



2. Phương án kiến trúc đối với các hạng mục xây dựng.

3. Thiết kế các hạng mục hạ tầng.

Trên cơ sở hiện trạng khu vực dự án, thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án với các thông số như sau:

✓ Hệ thống giao thông

Xác định cấp đường, cấp tải trọng, điểm đầu nối để vạch tuyến và phương án kết cấu nền và mặt đường.

✓ Hệ thống cấp nước

Xác định nhu cầu dùng nước của dự án, xác định nguồn cấp nước sạch (hoặc trạm xử lý nước), chọn loại vật liệu, xác định các vị trí cấp nước để vạch tuyến cấp nước bên ngoài nhà, xác định phương án đi ống và kết cấu kèm theo.

✓ Hệ thống thoát nước

Tính toán lưu lượng thoát nước mặt của từng khu vực dự án, chọn tuyến thoát nước mặt của khu vực, xác định điểm đầu nối. Thiết kế tuyến thu và thoát nước mặt, chọn vật liệu và các thông số hình học của tuyến.

✓ Hệ thống xử lý nước thải

Khi dự án đi vào hoạt động, chỉ có nước thải sinh hoạt, nước thải từ các khu sản xuất không đáng kể nên không cần tính đến phương án xử lý nước thải.

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải trong sản xuất (nước từ việc xử lý giá thể, nước có chứa các hóa chất xử lý mẫu trong quá trình sản xuất).

✓ Hệ thống cấp điện.

Tính toán nhu cầu sử dụng điện của dự án. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện của từng tiểu khu để lựa chọn giải pháp thiết kế tuyến điện trung thế, điểm đặt trạm hạ thế. Chọn vật liệu sử dụng và phương án tuyến cấp điện hạ thế ngoài nhà. Ngoài ra dự án còn đầu tư thêm máy phát điện dự phòng.

## 1.6. Phương án tổ chức thực hiện

Dự án được chủ đầu tư trực tiếp tổ chức triển khai, tiến hành xây dựng và khai thác khi đi vào hoạt động.

Dự án chủ yếu sử dụng lao động địa phương. Đối với lao động chuyên môn nghiệp vụ, chủ đầu tư sẽ tuyển dụng thêm và lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho con em trong vùng để từ đó về phục vụ trong quá trình hoạt động sau này.

**Bảng tổng hợp Phương án nhân sự dự kiến**

TT	Chức danh	Số lượng	Mức thu nhập bình quân/tháng	Tổng lương năm	Bảo hiểm 21,5%	Tổng/năm
1	Giám đốc	1	25.000	300.000	64.500	364.500
2	Ban quản lý, điều hành	2	15.000	360.000	77.400	437.400
3	Công nhân viên	60	6.000	4.320.000	928.800	5.248.800
4	Bác sĩ, kỹ sư thú y	5	12.000	720.000	154.800	874.800
	<b>Cộng</b>	<b>68</b>	<b>475.000</b>	<b>5.700.000</b>	<b>1.225.500</b>	<b>6.925.500</b>

## 1.7. Phân đoạn thực hiện và tiến độ thực hiện, hình thức quản lý

Thời gian hoạt động dự án: 50 năm kể từ ngày cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

Tiến độ thực hiện: 24 tháng kể từ ngày cấp Quyết định chủ trương đầu tư, trong đó:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư	Quý I/2021
2	Thủ tục phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500	Quý II/2021
3	Thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Quý II /2021

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian</b>
4	Thủ tục giao đất, thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất	Quý III/2021
5	Thủ tục liên quan đến kết nối hạ tầng kỹ thuật	Quý IV/2021
6	Thẩm định, phê duyệt TKCS, Tổng mức đầu tư và phê duyệt TKKT	Quý I/2022
7	Cấp phép xây dựng (đối với công trình phải cấp phép xây dựng theo quy định)	Quý I/2022
8	Thi công và đưa dự án vào khai thác, sử dụng	Quý I/2022 đến Quý I/2023

## CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

### I. GIỚI THIỆU CHUNG

Mục đích của công tác đánh giá tác động môi trường của dự án “*Trang trại tổng hợp*” là xem xét đánh giá những yếu tố tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến khu vực thực hiện dự án và khu vực lân cận, để từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm để nâng cao chất lượng môi trường hạn chế những tác động rủi ro cho môi trường và cho chính dự án khi đi vào hoạt động, đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường.

### II. CÁC QUY ĐỊNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG.

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/06/2014;
- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2001;
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2019;
- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/08/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của một số nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ Môi trường;

***Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:***

- TCVN 33:2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

- QCVN 01:2008/BXD - Quy hoạch xây dựng;

- TCVN 7957:2008 - Tiêu chuẩn Thiết kế thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình;

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

### **III. TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN TỚI MÔI TRƯỜNG**

Việc thực thi dự án sẽ ảnh hưởng nhất định đến môi trường xung quanh khu vực thực hiện dự án “Trang trại tổng hợp” tại Thôn Làng Cháy, Xã Tả Khe Mo, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên và khu vực lân cận, tác động trực tiếp đến môi trường làm việc tại dự án. Chúng ta có thể dự báo được những nguồn tác động đến môi trường có khả năng xảy ra trong các giai đoạn khác nhau. Đối với dự án này, chúng ta sẽ đánh giá giai đoạn xây dựng và giai đoạn đi vào hoạt động.

#### **3.1. Giai đoạn xây dựng dự án.**

***Tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn:***

Quá trình xây dựng sẽ không tránh khỏi phát sinh nhiều bụi (ximăng, đất, cát...) từ công việc đào đất, san ủi mặt bằng, vận chuyển và bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng, pha trộn và sử dụng vôi vữa, đất cát... hoạt động của các máy móc thiết bị cũng như các phương tiện vận tải và thi công cơ giới tại công trường sẽ gây ra tiếng ồn.

Tiếng ồn phát sinh trong quá trình thi công là không thể tránh khỏi, tuy nhiên ảnh hưởng của tiếng ồn đến chất lượng cuộc sống của người dân là không có.

### ***Tác động của nước thải:***

Trong giai đoạn thi công cũng có phát sinh nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng. Lượng nước thải này tuy không nhiều nhưng cũng cần phải được kiểm soát chặt chẽ để không làm ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm.

Nước mưa chảy tràn qua khu vực Dự án trong thời gian xây dựng cũng là một trong những tác nhân gây ô nhiễm môi trường nếu dòng chảy cuốn theo bụi, xăng dầu và các loại rác thải sinh hoạt. Trong quá trình xây dựng dự án áp dụng các biện pháp thoát nước mưa thích hợp.

+ Tác động của chất thải rắn:

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn này gồm 2 loại: Chất thải rắn từ quá trình xây dựng và rác sinh hoạt của công nhân xây dựng. Các chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn này nếu không được quản lý và xử lý kịp thời sẽ có thể bị cuốn trôi theo nước mưa gây tắc nghẽn đường thoát nước và gây ra các vấn đề vệ sinh khác. Ở đây, phần lớn phế thải xây dựng (xà bần, cát, sỏi...) sẽ được tái sử dụng làm vật liệu san lấp. Riêng rác sinh hoạt rất ít vì lượng công nhân không nhiều cũng sẽ được thu gom và giao cho các đơn vị dịch vụ vệ sinh đô thị xử lý ngay.

### ***Tác động đến sức khỏe cộng đồng:***

Các chất có trong khí thải giao thông, bụi do quá trình xây dựng sẽ gây tác động đến sức khỏe công nhân, người dân xung quanh (có phương tiện vận chuyển chạy qua) và các nhà máy lân cận. Một số tác động có thể xảy ra như sau:

- Các chất gây ô nhiễm trong khí thải động cơ (Bụi, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub>, THC,...), nếu hấp thụ trong thời gian dài, con người có thể bị những căn bệnh mãn tính như về mắt, hệ hô hấp, thần kinh và bệnh tim mạch, nhiều loại chất thải có trong khí thải nếu hấp thụ lâu ngày sẽ có khả năng gây bệnh ung thư;
- Tiếng ồn, độ rung do các phương tiện giao thông, xe ủi, máy đầm,... gây tác động hệ thần kinh, tim mạch và thính giác của cán bộ công nhân viên và người dân trong khu vực dự án;
- Các sự cố trong quá trình xây dựng như: tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ,... gây thiệt hại về con người, tài sản và môi trường.
- Tuy nhiên, những tác động có hại do hoạt động xây dựng diễn ra có tính chất tạm thời, mang tính cục bộ. Mặc khác khu dự án cách xa khu dân cư nên mức độ tác động không đáng kể.

### 3.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

#### *Tác động do bụi và khí thải*

Đối với dự án, bụi và khí thải sẽ phát sinh do các nguồn chính:

- Từ hoạt động giao thông (các phương tiện vận chuyển ra vào dự án);
- Từ quá trình sản xuất:
  - + Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ, nhập liệu;
  - + Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất;

Hoạt động của dự án luôn gắn liền với các hoạt động chuyên chở hàng hóa nhập, xuất kho và nguyên liệu. Đồng nghĩa với việc khi dự án đi vào hoạt động sẽ phát sinh ô nhiễm không khí từ các phương tiện xe chuyên chở vận tải chạy bằng dầu DO.

Mức độ ô nhiễm này còn tùy thuộc vào từng thời điểm có số lượng xe tập trung ít hay nhiều, tức là còn phụ thuộc vào khối lượng hàng hóa nhập, xuất kho và công suất sản xuất mỗi ngày của nhà máy.

Đây là nguồn gây ô nhiễm di động nên lượng chất ô nhiễm này sẽ rải đều trên những đoạn đường mà xe đi qua, chất độc hại phát tán cục bộ. Xét riêng lẻ, tuy chúng không gây tác động rõ rệt đối với con người nhưng lượng khí thải này góp phần làm tăng tải lượng ô nhiễm cho môi trường xung quanh. Cho nên chủ dự án cũng sẽ áp dụng các biện pháp quản lý nội vi nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng do ô nhiễm không khí đến chất lượng môi trường tại khu vực dự án trong giai đoạn này.

### ***Tác động do nước thải***

Nguồn nước thải phát sinh tại dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn

Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (COD, BOD), dinh dưỡng (N, P...), vi sinh vật (virus, vi khuẩn, nấm...)

Nếu nước thải sinh hoạt không được thu gom và xử lý thích hợp thì chúng sẽ gây ô nhiễm môi trường nước mặt, đất, nước ngầm và là nguy cơ lan truyền bệnh cho con người và gia súc.

Nước mưa chảy tràn: Vào mùa mưa, nước mưa chảy tràn qua khu vực sân bãi có thể cuốn theo đất cát, lá cây... rơi vãi trên mặt đất đưa xuống hệ thống thoát nước, làm tăng mức độ ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận.

### ***Tác động do chất thải rắn***

Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân viên phân rác thải chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì đựng thức ăn hay đồ uống như hộp xốp, bao cà phê, ly sinh tố, hộp sữa tươi, đũa tre, ống hút, muỗng nhựa, giấy,...; cành, lá cây phát sinh từ hoạt động vệ sinh sân vườn trong khuôn viên của nhà máy.



Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 1993), thì hệ số phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là 0,5 kg/người/ngày.

#### **IV. CÁC BIỆN PHÁP NHẪM GIẢM THIỂU Ô NHIỄM**

##### **4.1. Giai đoạn xây dựng dự án**

- Thường xuyên kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật, điều này sẽ giúp hạn chế được sự phát tán các chất ô nhiễm vào môi trường;
- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại. Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ, che phủ bạt (nếu không có thùng xe) và làm ướt vật liệu để tránh rơi vãi đất, cát... ra đường, là nguyên nhân gián tiếp gây ra tai nạn giao thông;
- Công nhân làm việc tại công trường được sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động như khẩu trang, mũ bảo hộ, kính phòng hộ mắt;
- Máy móc, thiết bị thực hiện trên công trường cũng như máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy phải tuân thủ các tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn (ví dụ: TCVN 4726 – 89 Máy cắt kim loại - Yêu cầu đối với trang thiết bị điện; TCVN 4431-1987 Tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng toàn phần: Lan can an toàn - Điều kiện kỹ thuật, ...) Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm: hoạt động vận chuyển đường bộ sẽ được sắp xếp vào buổi sáng (từ 8h đến 11h00), buổi chiều (từ 13h30 đến 16h30), buổi tối (từ 18h00 đến 20h) để tránh giờ tan ca của công nhân của các nhà máy lân cận;
- Phun nước làm ẩm các khu vực gây bụi như đường đi, đào đất, san ủi mặt bằng...
- Che chắn các bãi tập kết vật liệu khỏi gió, mưa, nước chảy tràn, bố trí ở cuối hướng gió và có biện pháp cách ly tránh hiện tượng gió cuốn để không ảnh hưởng toàn khu vực.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào những thùng chuyên dụng có nắp đậy. Công ty sẽ ký kết với đơn vị khác để thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt đúng theo quy định của Khu công nghiệp. Chủ dự án sẽ ký kết hợp đồng thu gom, xử lý rác thải với đơn vị có chức năng theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.
- Xây dựng nội quy cấm phóng uế, vứt rác sinh hoạt, đổ nước thải bừa bãi gây ô nhiễm môi trường và tuyên truyền cho công nhân viên của dự án.
- Luôn nhắc nhở công nhân tuân thủ nội quy lao động, an toàn lao động và giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cộng đồng.

#### **4.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng**

##### ***Giảm thiểu ô nhiễm không khí***

Nồng độ khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ngoài sự phụ thuộc vào tính chất của loại nhiên liệu sử dụng còn phải phụ thuộc vào động cơ của các phương tiện. Nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của các phương tiện vận chuyển, Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Tất cả phương tiện vận chuyển ra vào dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường theo đúng Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 24/06/2009;
- Quy định nội quy cho các phương tiện ra vào dự án như quy định tốc độ đối với các phương tiện di chuyển trong khuôn viên dự án, yêu cầu tắt máy khi trong thời gian xe chờ...;
- Trồng cây xanh cách ly xung quanh khu vực thực hiện dự án và đảm bảo diện tích cây xanh chiếm 20% tổng diện tích dự án như đã trình bày trong báo cáo;

##### ***Giảm thiểu tác động nước thải***

Quy trình xử lý nước thải bằng bể tự hoại:

Nước thải từ bồn cầu được xử lý bằng bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ trong bể từ

3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài bảo đảm hiệu suất lắng cao.

Khi qua bể tự hoại, nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải giảm khoảng 30 %, riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn.

Bùn từ bể tự hoại được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút và vận chuyển đi nơi khác xử lý.

### ***Giảm thiểu tác động nước mưa chảy tràn***

- + Thiết kế xây dựng và vận hành hệ thống thoát nước mưa tác biệt hoàn toàn với với hệ thống thu gom nước thải;
- + Định kỳ nạo vét các hố ga và khai thông cống thoát nước mưa;
- + Quản lý tốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại, tránh các loại chất thải này rơi vãi hoặc bị cuốn vào hệ thống thoát nước mưa.

### ***Giảm thiểu ô nhiễm nước thải rắn***

Chủ đầu tư cam kết sẽ tuân thủ đúng pháp luật hiện hành trong công tác thu gom, lưu trữ và xử lý các chất thải rắn, cụ thể là tuân thủ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải và phê liệu thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ban hành ngày 30/6/2015 về Quy định quản lý chất thải nguy hại.

## **V. KẾT LUẬN**

Các tác động từ hoạt động của dự án tới môi trường là không lớn và hoàn toàn có thể kiểm soát được. Đồng thời, các sản phẩm mà dự án tạo ra đóng vai trò rất quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của thị trường. Hoạt động của dự án mang lại lợi ích đáng giá và đặc biệt có hiệu quả về mặt xã hội lớn lao, tạo điều kiện công việc làm cho người lao động tại địa phương.

Trong quá trình hoạt động của dự án, các yếu tố ô nhiễm môi trường phát sinh không thể tránh khỏi. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ

môi trường, mối quan hệ giữa phát triển sản xuất và giữ gìn trong sạch môi trường sống, Ban Giám đốc Công ty sẽ thực hiện các bước yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, vấn đề an toàn lao động trong sản xuất cũng được chú trọng.



Anh/Chị  
cần hỗ trợ gì về

LẬP DỰ ÁN  
THIẾT KẾ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500  
KÊU GỌI ĐẦU TƯ, LẬP ĐTM...

Anh/Chị liên hệ  
PICC nhé

Hotline:  
**090.303.4381**  
[www.lapduandautu.vn](http://www.lapduandautu.vn)

## CHƯƠNG VI. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ – NGUỒN VỐN THỰC HIỆN VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

### I. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN.

Nguồn vốn: vốn chủ sở hữu 30%, vốn vay 70%. **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TÂM HÒA** sẽ thu xếp với các ngân hàng thương mại để vay dài hạn. Lãi suất cho vay các ngân hàng thương mại theo lãi suất hiện hành.

Tổng mức đầu tư xây dựng công trình được lập trên cơ sở tham khảo các bản chào giá của các nhà cung cấp vật tư thiết bị.

#### **Nội dung tổng mức đầu tư**

Mục đích của tổng mức đầu tư là tính toán toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng dự án “*Trang trại tổng hợp*” làm cơ sở để lập kế hoạch và quản lý vốn đầu tư, xác định hiệu quả đầu tư của dự án.

Tổng mức đầu tư bao gồm: Chi phí xây dựng và lắp đặt, Chi phí vật tư thiết bị; Chi phí tư vấn, Chi phí quản lý dự án & chi phí khác, dự phòng phí.

#### **Chi phí xây dựng và lắp đặt**

Chi phí xây dựng các công trình, hạng mục công trình; Chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.

#### **Chi phí thiết bị**

Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ; chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ; chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh; chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị; thuế và các loại phí có liên quan.

Các thiết bị chính, để giảm chi phí đầu tư mua sắm thiết bị và tiết kiệm chi phí lãi vay, các phương tiện vận tải có thể chọn phương án thuê khi cần thiết. Với phương án này không những giảm chi phí đầu tư mà còn giảm chi phí điều hành

hệ thống vận chuyển như chi phí quản lý và lương lái xe, chi phí bảo trì bảo dưỡng và sửa chữa...

### **Chi phí quản lý dự án**

Chi phí quản lý dự án tính theo Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình.

Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí để tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao công trình vào khai thác sử dụng, bao gồm:

- Chi phí tổ chức lập dự án đầu tư.
- Chi phí tổ chức thẩm định dự án đầu tư, tổng mức đầu tư; chi phí tổ chức thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.
- Chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;
- Chi phí tổ chức quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ và quản lý chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí tổ chức đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường của công trình;
- Chi phí tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;
- Chi phí tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình;
- Chi phí khởi công, khánh thành;

*Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: bao gồm*

- Chi phí khảo sát xây dựng phục vụ thiết kế cơ sở;
- Chi phí khảo sát phục vụ thiết kế bản vẽ thi công;
- Chi phí tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình;
- Chi phí lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và chi phí phân tích đánh giá hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu để lựa chọn

nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp vật tư thiết, tổng thầu xây dựng;

- Chi phí giám sát khảo sát xây dựng, giám sát thi công xây dựng và giám sát lắp đặt thiết bị;
- Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Chi phí quản lý chi phí đầu tư xây dựng: tổng mức đầu tư, dự toán, định mức xây dựng, đơn giá xây dựng công trình, hợp đồng;
- Chi phí tư vấn quản lý dự án;

### **Chi phí khác**

Chi phí khác bao gồm các chi phí cần thiết không thuộc chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng nói trên:

- Chi phí thẩm tra tổng mức đầu tư; Chi phí bảo hiểm công trình;
- Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư;
- Chi phí vốn lưu động ban đầu đối với các dự án đầu tư xây dựng nhằm mục đích kinh doanh, lãi vay trong thời gian xây dựng; chi phí cho quá trình tiền chạy thử và chạy thử.

### **Dự phòng phí**

- Dự phòng phí bằng 5% chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

## **II. HIỆU QUẢ VỀ MẶT KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN.**

### **2.1. Nguồn vốn dự kiến đầu tư của dự án.**

Tổng mức đầu tư của dự án: **40.038.843.000 đồng.**

*(Bốn mươi tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng)*

Trong đó:

- + Vốn tự có (30%) :12.011.653.000 đồng.
- + Vốn vay - huy động (70%) :28.027.190.000 đồng.

## 2.2. Dự kiến các nguồn doanh thu của dự án:

Doanh thu từ heo thịt
Doanh thu từ bán heo giống
Doanh thu từ trứng gia cầm
Doanh thu từ gà, vịt thịt
Doanh thu từ chăn nuôi bò thịt

Nội dung chi tiết được trình bày ở Phần phụ lục dự án kèm theo.

## 2.3. Các chi phí đầu vào của dự án:

Chi phí đầu vào của dự án		%	Khoản mục
1	Chi phí marketing, bán hàng	2%	Doanh thu
2	Chi phí khấu hao TSCĐ	""	Khấu hao
3	Chi phí bảo trì thiết bị	10%	Tổng mức đầu tư thiết bị
4	Chi phí thức ăn chăn nuôi	35%	Doanh thu
5	Chi phí quản lý vận hành	5%	Doanh thu
6	Chi phí lãi vay	""	Kế hoạch trả nợ
7	Chi phí lương	""	Bảng lương

Chế độ thuế		%
1	Thuế TNDN	10

## 2.4. Phương án vay.

- Số tiền : **28.027.190.000 đồng.**
- Thời hạn : 8 năm (90 tháng).
- Ân hạn : 1 năm.
- Lãi suất, phí : Tạm tính lãi suất 10%/năm (tùy từng thời điểm theo lãi suất ngân hàng).
- Tài sản bảo đảm tín dụng: thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Lãi vay, hình thức trả nợ gốc			
1	Thời hạn trả nợ vay	<b>8</b>	năm
2	Lãi suất vay cố định	<b>10%</b>	/năm
3	Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (tạm tính)	<b>15%</b>	/năm



Anh/Chị  
cần hỗ trợ gì về

LẬP DỰ ÁN  
THIẾT KẾ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500  
KÊU GỌI ĐẦU TƯ, LẬP ĐTM...

Anh/Chị liên hệ  
PICC nhé

Hotline:  
**090.303.4381**  
www.lapduandautu.vn



<b>Lãi vay, hình thức trả nợ gốc</b>		
4	Chi phí sử dụng vốn bình quân WACC	<b>10,80%</b> /năm
5	Hình thức trả nợ	1
(1: trả gốc đều; 2: trả gốc và lãi đều; 3: theo năng lực của dự án)		

Chi phí sử dụng vốn bình quân được tính trên cơ sở tỷ trọng vốn vay là 70%; tỷ trọng vốn chủ sở hữu là 30%; lãi suất vay dài hạn 10%/năm; chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (tạm tính) là 15%/năm.

## 2.5. Các thông số tài chính của dự án

### 2.5.1. Kế hoạch hoàn trả vốn vay.

Kết thúc năm đầu tiên phải tiến hành trả lãi vay và trả nợ gốc thời gian trả nợ trong vòng 8 năm của dự án, trung bình mỗi năm trả **4,2 tỷ đồng**. Theo phân tích khả năng trả nợ của dự án (phụ lục tính toán kèm theo) cho thấy, khả năng trả được nợ là rất cao, trung bình dự án có khả năng trả được nợ, trung bình khoảng trên 159% trả được nợ.

### 2.5.2. Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn.

Khả năng hoàn vốn giản đơn: Dự án sẽ sử dụng nguồn thu nhập sau thuế và khấu hao cơ bản của dự án để hoàn trả vốn vay.

$$\text{KN hoàn vốn} = (\text{LN sau thuế} + \text{khấu hao}) / \text{Vốn đầu tư.}$$

Theo phân tích khả năng hoàn vốn giản đơn của dự án (phần phụ lục) thì chỉ số hoàn vốn của dự án là 13,10 lần, chứng tỏ rằng cứ 1 đồng vốn bỏ ra sẽ được đảm bảo bằng 13,10 đồng thu nhập. Dự án có đủ khả năng tạo vốn cao để thực hiện việc hoàn vốn.

Thời gian hoàn vốn giản đơn (T): Theo (Bảng phụ lục tính toán) ta nhận thấy đến năm thứ 6 đã thu hồi được vốn và có dư, do đó cần xác định số tháng của năm thứ 5 để xác định được thời gian hoàn vốn chính xác.

$$\text{Số tháng} = \text{Số vốn đầu tư còn phải thu hồi} / \text{thu nhập bình quân năm có dư.}$$

Như vậy thời gian hoàn vốn giản đơn của dự án là **5 năm 7 tháng** kể từ ngày hoạt động.

### 2.5.3. Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu.

$$PIp = \frac{\sum_{t=1}^{t=n} CFt(P/F, i\%, t)}{P}$$

Khả năng hoàn vốn và thời điểm hoàn vốn được phân tích cụ thể ở bảng phụ lục tính toán của dự án. Như vậy  $PIp = 2,31$  cho ta thấy, cứ 1 đồng vốn bỏ ra đầu tư sẽ được đảm bảo bằng 2,31 đồng thu nhập cùng quy về hiện giá, chứng tỏ dự án có đủ khả năng tạo vốn để hoàn trả vốn.

Thời gian hoàn vốn có chiết khấu ( $Tp$ ) (hệ số chiết khấu 10,80%).

$$O = -P + \sum_{t=1}^{t=Tp} CFt(P/F, i\%, Tp)$$

Theo bảng phân tích cho thấy đến năm thứ 8 đã hoàn được vốn và có dư. Do đó ta cần xác định số tháng cần thiết của năm thứ 7.

Như vậy thời gian hoàn vốn có chiết khấu của dự án là **7 năm 5 tháng** kể từ ngày hoạt động.

### 2.5.4. Phân tích theo phương pháp hiện giá thuần (NPV).

$$NPV = -P + \sum_{t=1}^{t=n} CFt(P/F, i\%, t)$$

Trong đó:

- P: Giá trị đầu tư của dự án tại thời điểm đầu năm sản xuất.
- CFt : Thu nhập của dự án = lợi nhuận sau thuế + khấu hao.

Hệ số chiết khấu mong muốn 10,80%/năm.

Theo bảng phụ lục tính toán **NPV = 52.275.093.000 đồng**. Như vậy chỉ trong vòng 50 năm của thời kỳ phân tích dự án, thu nhập đạt được sau khi trừ giá trị đầu tư quy về hiện giá thuần **52.275.093.000 đồng > 0** chứng tỏ dự án có hiệu quả cao.

**2.5.5. Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR).**

Theo phân tích được thể hiện trong bảng phân tích của phụ lục tính toán cho thấy **IRR = 18,903% > 10,80%** như vậy đây là chỉ số lý tưởng, chứng tỏ dự án có khả năng sinh lời.

---

## KẾT LUẬN

.....

### I. KẾT LUẬN.

Với kết quả phân tích như trên, cho thấy hiệu quả tương đối cao của dự án mang lại, đồng thời giải quyết việc làm cho người dân trong vùng. Cụ thể như sau:

- + Các chỉ tiêu tài chính của dự án cho thấy dự án có hiệu quả về mặt kinh tế.
- + Hàng năm đóng góp vào ngân sách địa phương trung bình khoảng **675,5 triệu đồng** thông qua nguồn thuế thu nhập từ hoạt động của dự án.
- + Hàng năm giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động của địa phương.

Góp phần phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương; đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế.

### II. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ.

Với tính khả thi của dự án, rất mong các cơ quan, ban ngành xem xét và hỗ trợ chúng tôi để chúng tôi có thể triển khai thực hiện các bước của dự án “**Trang trại tổng hợp**” tại Thôn Làng Cháy, Xã Khe Mo, Huyện Đông Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên theo đúng tiến độ và quy định, sớm đưa dự án đi vào hoạt động.

## PHỤ LỤC: CÁC BẢNG TÍNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH

**ĐVT: 1000 VNĐ**

**Phụ lục 1: Tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án**

**Phụ lục 2: Bảng tính khấu hao hàng năm.**

**Phụ lục 3: Bảng tính doanh thu và dòng tiền hàng năm.**

**Phụ lục 4: Bảng Kế hoạch trả nợ hàng năm.**



**Phụ lục 5: Bảng mức trả nợ hàng năm theo dự án.**

**Phụ lục 6: Bảng Phân tích khả năng hoàn vốn giản đơn.**

**Phụ lục 7: Bảng Phân tích khả năng hoàn vốn có chiết khấu.**

**Phụ lục 8: Bảng Tính toán phân tích hiện giá thuần (NPV).**

**Phụ lục 9: Bảng Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR).**

